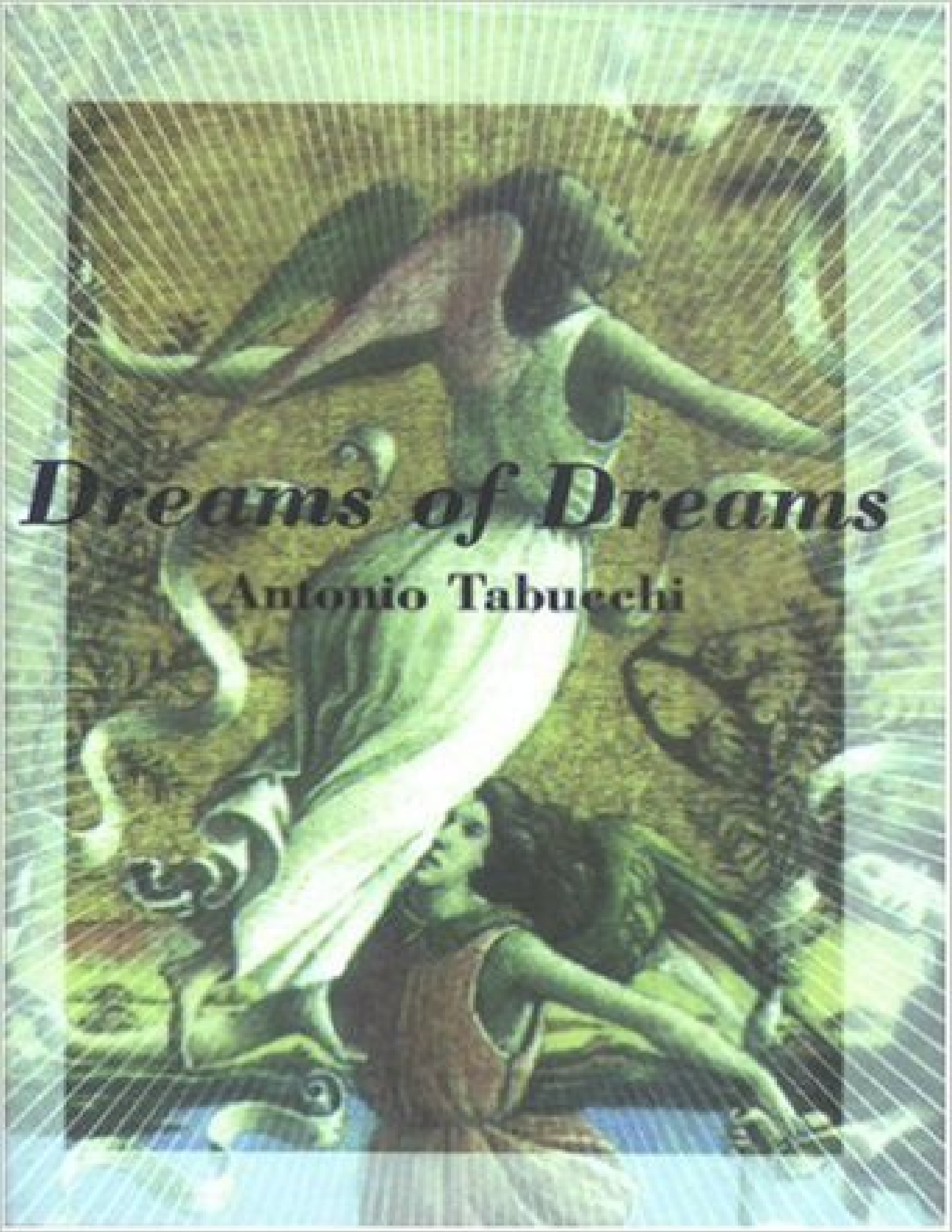




Dreams of Dreams

Antonio Tabuechi

MỘNG TRONG MỘNG – DREAMS OF DREAMS

ANTONIO TABUCCHI

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

Về tác giả và tác phẩm

1. Giấc mộng của Dédale, kiến trúc sư và phi hành gia
2. Giấc mộng của Publius Ovidius Naso, thi sĩ và nịnh thần
3. Giấc mộng của François Villon, thi sĩ và kẻ gian phi
4. Giấc mộng của Arthur Rimbaud, thi sĩ và kẻ phiêu lãng
5. Giấc mộng của Fernando Pessoa, thi sĩ và người giả bộ
6. Giấc mộng của Vladimir Maiakovski, thi sĩ và nhà cách mạng
7. Giấc mộng của Federico García Lorca, thi sĩ và người chống phát-xít
8. Giấc mộng của Bác sĩ Sigmund Freud, người giải mộng của kẻ khác
9. Giấc mộng của Anton Tchekhov, nhà văn và y sĩ
10. Giấc mộng của Henri de Toulouse-Lautrec, họa sĩ và người bất hạnh
11. Giấc mộng của Achille Claude Debussy, nhạc sĩ và nhà thẩm mỹ
12. Giấc mộng của Francisco Goya y Lucientes, họa sĩ và người có linh thị
13. Giấc mộng của Samuel Taylor Coleridge, thi sĩ và người nghiện thuốc phiện
14. Giấc mộng của Lucius Apulée, nhà văn và pháp sư
15. Giấc mộng của Cecco Angiolieri, thi sĩ và kẻ phạm thánh
16. Giấc mộng của François Rabelais, nhà văn và thầy tu xuất
17. Giấc mộng của Michelangelo Merisi, tức Caravaggio, họa sĩ và người dễ nóng giận
18. Giấc mộng của Giacomo Leopardi, thi sĩ và người «điên» vì trắng
19. Giấc mộng của Carlo Collodi, nhà văn và người kiểm duyệt sân khấu
20. Giấc mộng của Robert Louis Stevenson, nhà văn và người lữ hành

Về tác giả và tác phẩm

ANTONIO TABUCCHI, nhà văn Ý, sinh tại Pise năm 1943, đã có trên 15 tác phẩm (có một cuốn viết bằng tiếng Bồ-đào-nha), gồm truyện ngắn, tiểu thuyết, nghiên cứu văn học..., còn là người phiên dịch Fernando Pessoa sang tiếng Ý. Hai (hay ba) cuốn phim đã được thực hiện dựa theo các tác phẩm của ông.

Mộng của mộng (1992) được đề tặng con gái ông là Teresa, gồm hai mươi «chuyện kể» mà đa số liên hệ tới các thi sĩ (9), một số tới các nhà văn (5), các họa sĩ (3) và cả một nhạc sĩ, một nhà phân tâm học và một.. «phi hành gia»! Lối văn hài hước nhẹ nhàng thân ái của một người yêu mến các văn nhân, nghệ sĩ mình nói tới, đặc biệt khác với lối viết trong các «truyện ngắn» của chính tác giả. Trong một «Ghi chú» ở đầu sách, Tabucchi viết: «Tôi thường ao ước được biết những giấc mộng của các nghệ sĩ mà tôi yêu. Thật không may, những người mà tôi nói tới trong tập sách này đã không để lại cho chúng ta những đoạn đường đêm hôm của đầu óc họ. Sự căm dỗ bù đắp lại điều ấy thật lớn, bằng cách kêu gọi tới văn chương để thay thế những gì đã mất. Tuy nhiên, tôi biết rằng những mẫu chuyện thay thế này, do một kẻ luyến tiếc những giấc mộng không được biết tới tưởng tượng ra, chỉ là những giả thiết nghèo nàn, những ảo tưởng mờ nhạt, những vật giả không có gì là chắc chắn. Ước chi chúng được đọc như thế và ước chi hồn thiêng của các nhân vật của tôi, lúc này đang mộng từ Phía Bên kia, hãy khoan dung độ lượng với kẻ đại diện tồi tàn cho đám hậu thế của họ. A.T.»

Bạn đọc Pháp văn có thể coi thêm Antonio Tabucchi, Rêves de rêves, bản dịch Bernard COMMENT, nhà xuất bản. Christian Bourgois, Paris, 1994.

1. Giấc mộng của Dédale, kiến trúc sư và phi hành gia

** Dédale. Kiến trúc sư và phi hành gia đầu tiên, ông có lẽ là một giấc mộng của chúng ta. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm đã hằng ngàn năm về trước, vào một thời không thể tính được chính xác, Dédale, kiến trúc sư và phi hành gia, nằm mộng.

Ông mộng thấy mình ở trong lòng một cung điện bao la, và ông đang băng qua một hành lang. Hành lang này đổ vào một hành lang khác và Dédale mỗi mệt, vô định, men theo những vách tường mà bước tới. Khi đã đi qua hết hành lang nọ, ông tới một căn buồng bát giác nhỏ, nơi xuất phát tám hành lang. Dédale bắt đầu cảm thấy hết sức lo âu và thèm khát không khí trong lành. Ông bước vào một trong những hành lang ấy, nhưng hành lang này kết thúc bằng một vách ngăn. Ông bước vào một hành lang khác, hành lang này cũng lại kết thúc bằng một vách ngăn. Dédale thử đi thử lại bảy lần, mãi tới lần thứ tám, ông bước vào một hành lang rất dài, hành lang này, sau một loạt những lối ngoặt thẳng góc, đổ vào một hành lang khác. Lúc đó, ông ngồi trên một bậc thềm bằng cẩm thạch và bắt đầu suy nghĩ. Trên những bức vách của hành lang, những bó đuốc đã tắt, rọi sáng những tấm bích họa màu trời xanh vẽ hình chim và hoa.

Chỉ có mình ta là có thể biết cách ra khỏi nơi đây, Dédale tự nhủ, thế mà ta lại không nhớ.

Đúng lúc đó, ông bước vào một viên đình rộng lớn, trang hoàng bằng những bức tranh phong cảnh thật phi lý vẽ trên tường. Ông nhớ gian phòng này, nhưng ông không nhớ lại được tại sao ông nhớ gian phòng ấy. Ở đây có những ghế ngồi bọc bằng những thứ hàng xa hoa lộng lẫy, và ở chính giữa gian phòng là một chiếc giường lớn. Ở mép giường, một người đàn ông rong rỗng cao đang ngồi, bộ điệu linh hoạt và trẻ trung. Người này có đầu bò mộng. Y đang ôm đầu, và nức nở. Dédale lại gần và đặt một bàn tay lên vai y. Tại sao người khóc, ông hỏi. Người kia buông hai tay ra khỏi đầu và chăm chú nhìn ông bằng đôi mắt thú. Tôi khóc là vì tôi si tình trắng, y nói, tôi chỉ mới thấy trắng có một lần khi tôi ra cửa sổ một buổi chiều nọ hồi tôi còn nhỏ, nhưng tôi không thể đến với trắng được là vì tôi bị giam giữ trong cung điện này. Chỉ cần nằm dài trên một đồng cỏ nhỏ bé, trong lúc ban đêm, và để ánh trăng mơn trớn vuốt ve, chắc là tôi đã mãn nguyện, nhưng tôi bị giam giữ trong cung điện này, tôi bị giam giữ trong cung điện này từ hồi nhỏ. Và y lại bắt đầu khóc.

Lúc đó Dédale cảm thấy hết sức phiền muộn, tim ông đập mạnh trong lồng ngực. Ta sẽ giúp người ra khỏi nơi đây, ông nói.

Người-thú kia lại ngược đầu lên và chăm chú nhìn ông bằng đôi mắt bò mộng. Trong gian phòng này có hai cánh cửa, y nói, và ở mỗi cánh cửa có một người canh gác. Một cánh cửa đưa tới tự do, một cánh cửa dẫn tới cái chết. Một trong hai kẻ canh gác chỉ nói sự thật, kẻ kia chỉ nói những điều dối trá. Nhưng tôi không biết kẻ canh gác nào nói thật và kẻ canh gác nào nói

đối, cũng chẳng biết cánh cửa nào là cánh cửa tự do và cánh cửa nào là cánh cửa của sự chết.

Đi theo ta, Dédale bảo, người hãy đi với ta.

Ông lại gần một trong hai người canh gác và hỏi hắn: cánh cửa nào, theo như đồng nghiệp của chú, đưa tới tự do ? Thế rồi ông đổi cửa. Thật vậy, nếu như ông đã gọi hỏi kẻ canh gác đối trá, thòì kẻ này, bằng cách sửa đổi chỉ dẫn thật của đồng nghiệp hắn, hắn đã chỉ cho ông cánh cửa của đoạn đầu dài; ngược lại, nếu như ông đã hỏi kẻ nói sự thật, thòì kẻ này, khi cho ông biết mà không sửa đổi chỉ dẫn sai lạc của đồng nghiệp hắn, hắn đã chỉ cho ông cánh cửa của cái chết.

Họ vượt qua cánh cửa nọ và lại đi suốt một hành lang dài. Hành lang này dốc ngược lên và đổ ra một khu vườn treo, từ đây người ta vượt hắn lên trên những ánh đèn của một thành phố lạ xa.

Lúc này Dédale nhớ lại, và ông thật sung sướng vì đã nhớ lại. Dưới những bụi cây, ông đã cất giấu những lông chim và sáp. Ông đã cất giấu cho chính mình, để có thể bỏ trốn cung điện này. Với đám lông chim và sáp nọ, ông đã tạo một đôi cánh thật khéo léo và ráp vào vai người-thú. Rồi ông đưa y tới hạn giới của khu vườn treo và nói với y.

Đêm thòì dài, ông nói, trăng đã lộ khuôn mặt và đang chờ người, người có thể bay tới mãi tận trăng.

Người-thú quay lại và nhìn ông với đôi mắt dịu hiền của loài thú. Cám ơn ông, y nói.

Đi đi, Dédale bảo, và ông giúp y phóng mình tới. Ông nhìn người-thú với những tiếng vỗ cánh lớn xa dần trong đêm tối, và y bay về hướng mặt trăng. Y bay, y bay.

2. Giấc mộng của Publius Ovidius Naso, thi sĩ và nịnh thần

Tại Tmes, bên bờ biển Đen, trong đêm ngày mười sáu tháng Giêng sau công nguyên, một đêm đông giá và gió lốc, Publius Ovidius Naso*, thi sĩ và nịnh thần, mộng thấy mình trở thành một nhà thơ được hoàng đế sủng ái. Và, với tư cách ấy, do phép màu của thần linh, ông đã biến thành một con bướm lớn.

Ấy là một con bướm khổng lồ, to như một người lớn, với đôi cánh oai nghiêm màu vàng và thiên thanh. Và đôi mắt nó, đôi mắt lớn quá độ và tròn xoe của loài bướm, bao quát toàn nhãn giới.

Người ta đẩy ông lên một cỗ xe hai bánh bằng vàng, đã được chỉnh trang đặc biệt cho ông, và ba cặp ngựa trắng đưa ông tới La-mã. Ông cố gắng đứng thẳng, nhưng những cẳng chân yếu ớt của ông không sao đỡ được sức nặng của đôi cánh, khiến ông cứ phải khuyu xuống đều đều trên đám nệm, cọ quây mấy cái chân ở trên không. Những cái chân này được trang sức bằng những tràng chuỗi và vòng kiềng Đông phương, và ông khoan khoái phô bày các thức ấy cho đám đông đang hoan hô ông.

Khi tới trước các cổng thành La-mã, Ovide vứt bỏ những chiếc gối và, hết sức cố gắng, dùng những cẳng chân thon dài, ông choàng lên đầu một vòng nguyệt quế. Đám đông ngây ngất, và có nhiều người phủ phục, là vì họ cho rằng ông là một vị thần của Á châu. Lúc đó Ovide muốn báo cho họ biết mình là Ovide, và ông khởi sự nói. Nhưng một tiếng rít kỳ dị từ miệng ông thoát ra, một tiếng kêu ré thật chất chúa và không sao chịu nổi buộc đám đông phải đưa tay bịt tai lại.

Các người không nghe tiếng hát của ta sao?, Ovide kêu lên, ấy là tiếng hát của nhà thơ Ovide, kẻ đã chỉ dạy nghệ thuật yêu, kẻ đã nói tới các kỹ nữ và các phương thuốc, tới những phép màu và những sự thay hình đổi dạng!

Nhưng tiếng nói của ông chỉ là một tiếng ré không rõ rệt, đám đông tránh né trước bầy ngựa. Sau cùng họ tới hoàng cung và Ovide, vụng về tựa vào những cẳng chân, bước lên những bậc cấp đưa ông tới vị César.

Hoàng đế, ngồi trên ngai, chờ ông và đang uống một chung rượu nhỏ. Nào, ta hãy nghe những gì người đã soạn cho ta, vị César nói.

Trước đó Ovide đã soạn một bài thơ ngắn bằng những vần điệu uyển chuyển, kiểu cách và hơi táo bạo, có lẽ sẽ làm vui lòng vị César. Nhưng làm sao nói lên đây?, ông nghĩ, nếu tiếng nói của ông chỉ còn là một thứ tiếng kêu ré inh tai của loài côn trùng. Ông liền nghĩ tới cách chuyển đạt những vần thơ của ông cho vị César bằng những điệu bộ, và ông bắt đầu lắc lay mềm mại đôi cánh oai nghiêm nhuộm màu của mình thành một vũ khúc tuyệt vời đầy phong vị lạ xa. Những màn cửa trong cung điện lay động, một cơn gió thoảng quét qua khắp các gian phòng và vị César, nổi giận, ném chung rượu xuống sàn đá. Vị César tính cộc cằn, chuộng sự thanh đạm và cường tráng. Ông không thể chịu được cái loài sâu bọ sỗ sàng này múa may trước mắt một vũ điệu ảo lả như vậy. Ông vỗ tay và đám vệ binh chạy tới.

Quân đâu, ông quát, chặt cánh nó cho ta. Đám vệ binh tuốt đoản kiếm và thật khéo léo, như thể tĩa cành cây, họ tiện nhả đôi cánh của Ovide. Đôi cánh này rơi xuống đất như một đám lông mềm và Ovide hiểu rằng đời ông đã chấm dứt vào lúc này. Được một sức mạnh mà ông cảm thấy như định mệnh của mình thúc đẩy, ông quay lui rồi, đứng dựa trên những cẳng chân khủng khiếp của mình, ông trở lại thềm cung điện. Bên dưới ông, một đám đông đã trở thành hung tợn, đang kêu gào xác ông, một đám đông ham hố đang chờ ông với những đôi tay đầy cuồng nộ.

Lúc đó, Ovide, nhảy nhót thật vụng về, bước xuống những bậc thềm của cung điện.

3. Giấc mộng của François Villon, thi sĩ và kẻ gian phi

Tảng sáng ngày lễ Giáng sinh năm 1451, trong lúc ông còn chìm đắm trong giấc ngủ chót, François Villon, thi sĩ và kẻ gian phi, nằm mộng. Ông mộng thấy đó là một đêm trăng tròn và ông đang băng qua một cái truông hoang vắng. Ông dừng lại để ăn một mẩu bánh mà ông đã lôi ra từ trong bị và ngồi trên một tảng đá. Ông nhìn trời và cảm thấy một nỗi buồn phiền lớn. Rồi ông tiếp tục con đường của ông và tới một cái quán. Căn nhà âm u và lạnh lẽ, có lẽ mọi người đang ngủ cả. François Villon gõ mãi vào cánh cửa, và bà vợ người chủ quán ra mở cửa cho ông.

Mi tìm gì vào giờ này hử, du đãng?, bà vợ người chủ quán soi đèn lên mặt Villon nói.

Tôi đi tìm thằng em tôi, François Villon đáp, lần cuối cùng người ta thấy nó là ở trong vùng này, và tôi muốn tìm lại nó.

Ông bước vào cái quán âm u, chỉ có một ngọn lửa yếu ớt soi rọi, và ông ngồi vào một bàn.

Bà cho tôi thịt cừu và rượu nho, ông gọi thức ăn, rồi ông ngồi chờ. Bà vợ người chủ quán đem lại cho ông một bát súp cải bắp và một bình rượu tần. Tối nay chỉ còn có thế, bà nói, chú mày khuây khỏa đỡ buồn, là vì bọn lính gác vợ vét trong vùng, chúng ăn hết thức ăn rồi.

Trong lúc Villon ăn uống, có một ông già bước vào, mặt phủ đầy những mảnh giẻ rách. Đó là một người cùi, và ông ta chống gậy. Villon nhìn ông ta không nói gì. Người cùi ngồi ở phía bên kia gian buồng, bên ngọn lửa, và bảo; ta nghe nói chú đi tìm em.

Bàn tay của Villon lẹ làng đưa về phía lưỡi dao găm, nhưng người cùi đã chặn ông lại bằng một điệu bộ. Ta không phải là về phe quân canh, ông ta nói, ta về phe gian đảng và ta có thể dẫn chú tới tận chỗ thằng em của chú. Ông ta chống gậy tiến lại gần cửa và Villon bước theo. Hai người bước ra ngoài trời đông lạnh lẽo. Đó là một đêm trong trẻo và tuyết ngoài đồng đã đông lại. Chung quanh họ trải rộng một vùng truông cằn cỗi, viền bóng đen của những ngọn đồi bao phủ rừng cây. Người cùi đi theo một lối mòn và tiến về phía những ngọn đồi một cách cực nhọc. Villon bước theo sau ông ta, trong lúc, để đề phòng, tay vẫn hờm sẵn trên lưỡi dao.

Khi con đường bắt đầu lên dốc, người cùi dừng lại và ngồi trên một tảng đá. Ông ta rút trong bị ra một cây ocarina,* và bắt đầu thổi một điệu thương nhớ. Thỉnh thoảng, ông ta ngưng lại và hát vài đoạn của một bài ballade đạo tặc nói tới những vụ hãm hiếp và tới bọn gian phi, tới những cuộc trộm cắp và tới lính xen-đằm. Villon lắng nghe ông ta và rùng mình, là vì ông biết rằng bài ballade kia có liên hệ tới ông. Lúc đó, ông cảm thấy một nỗi sợ cấu xé ruột gan ông. Nhưng ông sợ nỗi gì? Ông không rõ, là vì ông, xen-đằm ông cũng chẳng sợ gì hơn là bóng tối và người cùi. Ông cảm thấy nỗi sợ này tựa như một thứ hối tiếc và một nỗi đau buốt.

Thế rồi người cùi đứng dậy, và Villon bước theo ông ta đi về phía rừng. Khi họ tới cái cây đầu tiên, Villon để ý thấy một người bị xử giáo đeo trên cành. Kẻ kia lưỡi lè ra, và trắng hắt một làn ánh sáng xanh mét lên thân ma. Đó là một người lạ mặt, Villon tiếp tục đi. Trên cái cây bên cạnh nữa, cũng có một kẻ bị xử giáo đeo trên cành, nhưng cũng lại là một kẻ lạ mặt. Villon nhìn chung quanh mình và thấy rằng khu rừng đầy những thân người đeo trên cây. Bình thản, ông nhìn họ, từng người một, trong lúc xê dịch giữa những bàn chân mà cơn gió nhẹ khiến đung

đưa, cho đến khi ông tìm được người em ông. Ông tháo nó xuống bằng cách lấy dao găm cắt đứt sợi dây và ông đặt nó nằm dài trên cỏ. Cái cây ma đã cứng ngắc, vì chết và vì đông giá. Villon hôn lên trán nó. Và đúng lúc đó, cái cây ma của em ông lên tiếng. Cuộc đời ở đây đầy những con bướm trắng đang chờ anh, anh ạ, cái cây ma nói, và tất cả đều là những bóng ma.

Villon ngẩng đầu lên, ngơ ngác. Người bạn đường của ông đã biến mất, và từ khu rừng, như một bản hợp xướng lớn của tang lễ ca âm thầm, cất lên bài ballade mà người cùi đã hát.

4. Giấc mộng của Arthur Rimbaud, thi sĩ và kẻ phiêu lãng

** Arthur Rimbaud. Charleville, 1845 - Marseille, 1891. Sinh trong một gia đình áp chế, ngu tín và thủ cựu, ông bỏ trốn tới Paris vào năm ông mười sáu tuổi để tham gia Công xã, và ông đã khởi sự một cuộc đời âu lo và phóng đãng, gồm bằng những cuộc lang bạt và phiêu lưu mạo hiểm. Ông băng qua nền trời thi ca Pháp như một tinh thạch, để lại những vần thơ như có linh thị và được một nét tự tình huyền bí. Ông yêu thi sĩ Paul Verlaine, người mà ông đã gây thương tích bằng một phát súng lục trong một cuộc cãi vã. Ông từng biết tới hổ nhục và bệnh viện. Ông đã lang thang qua khắp Âu châu theo một gánh xiếc. Sau khi từ bỏ thơ, ông trở thành kẻ buôn lậu ở Abyssinie. Ông trở về Pháp vì một mụn nhọt ở một đầu gối, bị cắt cụt chân và mất tại bệnh viện Marseille. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Đêm hăm ba tháng Sáu năm 1891, ở bệnh viện Marseille, Arthur Rimbaud, thi sĩ và kẻ phiêu lãng, nằm mộng. Ông mộng thấy mình đang đi ngang qua vùng rừng núi Ardennes. Ông cặp ống chân đã bị cắt của mình và chống nạng. Ống chân bị cắt gói trong một tờ giấy nhật trình trên đó có in một trong những bài thơ của ông, bằng chữ to.

Lúc đó gần nửa đêm, và ấy là một đêm trăng tròn. Các đồng cỏ ánh bạc, Arthur ca hát. Ông đã tới vùng lân cận một khu nhà của các nông dân mà một khung cửa sổ còn đèn sáng. Ông nằm dài trên đồng cỏ, dưới một cây hạnh đào thật lớn, và tiếp tục hát. Ông hát một bài hát cách mạng và phiêu lãng nói tới một người đàn bà và một khẩu súng. Được một lúc cánh cửa mở, một người đàn bà bước ra và tiến tới. Ấy là một thiếu phụ, nàng để tóc xõa. Nếu anh muốn một khẩu súng như bài hát của anh đòi hỏi, tôi có thể cho anh khẩu súng ấy, người đàn bà nói, tôi có một khẩu ở vựa thóc.

Rimbaud kẹp chặt ống chân đã bị cắt vào mình và cất tiếng cười. Ta sắp đi gia nhập công xã Paris, ông nói, và ta cần một khẩu súng.

Người đàn bà dẫn ông tới mái vựa thóc. Ấy là một kiến trúc có hai tầng. Tầng dưới đất có đám chiên con, và tầng trên, có thể leo lên được bằng một chiếc thang, là vựa thóc. Ta không thể leo lên trên ấy, Rimbaud nói, ta sẽ đợi nàng ở đây, giữa đám chiên. Ông nằm trên lớp rơm và cởi quần ra. Khi người đàn bà trở xuống, nàng thấy ông đã sẵn sàng làm tình. Nếu anh muốn một người đàn bà như bài hát của anh đòi hỏi, người đàn bà nói, tôi có thể cho anh người đàn bà ấy. Rimbaud ôm hôn nàng và hỏi: người đàn bà ấy, nàng tên gì? Nàng tên là Aurelia, người đàn bà đáp, là vì ấy là một người đàn bà trong mộng. Và nàng trút bỏ áo quần.

Họ yêu nhau giữa đám chiên, và Rimbaud để ống chân đã bị cắt kề bên ông. Khi họ đã yêu nhau, người đàn bà nói: anh hãy ở lại. Tôi không thể, Rimbaud đáp, tôi phải lên đường, em hãy ra ngoài với tôi, để xem bình minh rạng. Khi họ bước ra sân, trời đã sáng. Em, em không nghe thấy những tiếng kêu ấy, Rimbaud nói, nhưng tôi, tôi nghe, chúng từ Paris đến và chúng kêu gọi tôi, ấy là tự do, ấy là tiếng gọi từ chốn xa.

Người đàn bà hãy còn loã lồ dưới cây quýt. Tôi để lại cho em ống chân tôi, Rimbaud nói, em hãy chăm sóc nó.

Rồi ông tiến ra đường cái. Lạ lùng thay, lúc này ông không còn khập khễnh. Ông bước đi như có hai chân. Con đường vang vang dưới đôi dép gỗ của ông. Bình minh đỏ rực ở chân trời. Còn ông, ông ca hát, và ông hạnh phúc.

5. Giấc mộng của Fernando Pessoa, thi sĩ và người giả bộ

Fernando Pessoa. Sinh và mất tại Lisboa, 1888-1935. Ông mồ côi cha từ nhỏ, và đã được giáo dục tại Nam Phi, nơi dựng ghế ông làm lãnh sự của Bồ-đào-nha. Ông luôn luôn ý thức mình là một kẻ có thiên tài và cảm thấy lo sợ trở thành điên như bà nội ông. Ông biết mình là nhiều người, và ông chấp nhận sự việc này trong việc viết lách và đời sống, dành tiếng nói cho nhiều thi sĩ khác nhau, những «dị danh » của ông, mà người thầy là Alberto Caeiro, một người có sức khỏe yếu kém, sống với một bà-cô đã già trong một ngôi nhà ở đồng quê vùng Ribatejo. Ông sống cuộc đời làm công cho những xí nghiệp xuất-nhập cảng, phiên dịch thư từ thương mại. Thường hơn cả, ông ngụ nơi những buồng trọ tầm thường. Ông chỉ có một mối tình trong đời, một mối tình ngắn ngủi và nồng nhiệt, với Ophélia Queiroz, người làm thư ký đánh máy ở một trong những xí nghiệp nơi ông làm việc. «Ngày toàn thắng» của đời ông là ngày tám tháng Ba 1914, khi các thi sĩ cư ngụ nơi ông bắt đầu viết qua bàn tay trung gian của ông. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)

Đêm ngày bảy tháng Ba năm 1914, Fernando Pessoa, thi sĩ và người giả bộ, mộng thấy mình thức dậy. Ông uống một chén cà-phê trong căn buồng ông thuê, cạo râu và ăn vận một cách thanh lịch. Ông khoác chiếc áo mưa, vì bên ngoài trời mưa. Khi ông ra khỏi nhà là vào lúc tám giờ kém hai mươi, và tám giờ đúng ông đã có mặt ở nhà ga, trên nấc thang của con tàu suốt chạy đường Santarém. Tàu khởi hành hoàn toàn đúng giờ, vào tám giờ năm phút. Fernando Pessoa ngồi trong một toa xe nơi đã có một người đàn bà trạc ngũ tuần ngồi, và đang đọc sách. Người đàn bà này là mẹ ông nhưng lại không phải là mẹ ông, và bà đang chăm chú đọc sách. Cả Fernando Pessoa nữa cũng bắt đầu đọc. Hôm đó, ông phải đọc hai lá thư gửi cho ông từ Nam Phi, hai lá thư nói với ông về một thửa nhỏ xa xôi.

Ta tựa như cỏ, và người ta đã không nhổ ta lên,* người đàn bà trạc ngũ tuần chột nói vào một lúc nọ. Câu nói đó thật vừa ý Fernando Pessoa, ông ghi vào một cuốn sổ tay. Trong thời gian ấy, trước mặt họ, trải dài quang cảnh của vùng Ribatejo, với những ruộng lúa và đồng cỏ.

Khi họ tới Santarém, Fernando Pessoa thuê một chiếc xe ngựa. Ông có biết một ngôi nhà cách biệt, quét vôi trắng ở đâu không?, ông hỏi người đánh xe. Người đánh xe là một người thấp bé hơi mập, cái mũi đỏ vì rượu. Biết chứ, ông ta đáp, ấy là nhà của ông Caeiro, tôi biết rõ ngôi nhà ấy. Và ông ta quất roi ngựa. Con ngựa bắt đầu chạy nước kiệu nhỏ trên con đường chính hai bên viền cây cọ. Ngoài đồng, người ta thấy những túp chòi bằng tranh, đôi khi có một người Đen đứng trên ngưỡng cửa.

Kìa chúng ta đang ở đâu thế? Pessoa hỏi người đánh xe, ông đưa tôi đi đâu?

Chúng ta đang ở Nam Phi, người đánh xe đáp, và tôi đang đưa ông tới nhà Ông Caeiro.

Pessoa cảm thấy yên tâm, ông ngả người trên lưng ghế. A, thế là Nam Phi đấy, đúng như điều ông muốn. Ông bắt tréo hai ống chân, măn nguyện và nhìn thấy đôi mắt cá chân để trần

của mình, trong đôi ống quần thủy thủ. Ông hiểu ra mình là một đứa trẻ và điều đó khiến ông vui lắm. Là một đứa trẻ đi du lịch qua đất Nam Phi thật là tuyệt. Ông lấy một gói thuốc điếu ra và khoan khoái đốt một điếu thuốc. Ông cũng đưa mời người đánh xe một điếu, người này vội vã nhận.

Hoàng hôn rơi xuống khi lọt vào tầm mắt họ một ngôi nhà trắng nằm trên một ngọn đồi lấm chấm điểm những cây trắc-bá. Ấy là một ngôi nhà tiêu biểu của vùng Ribatejo, dài và thấp, có mái nhọn lợp ngói đỏ. Chiếc xe ngựa chạy vào con đường trắc-bá, sỏi đá lạo xạo dưới bánh xe, một con chó sủa nơi đồng quê.

Trước cửa ngôi nhà có một bà già nhỏ nhắn đeo mực kính và đội cái nón vải tràm đầu một màu trắng sáng rực. Pessoa nhận ra ngay đây là người bà-cô của Alberto Caeiro và, nhón chân lên, ông hôn bà trên hai má.

Đừng làm thằng Alberto của ta mỗi một quá, bà cụ già nhỏ nhắn nói, sức khoẻ nó thật yếu kém.

Bà cụ tránh ra và Pessoa bước vào trong nhà. Ấy là một gian buồng rộng lớn, đồ đạc bày biện đơn sơ. Có một ống khói lò sưởi, một tủ sách nhỏ, một cái trạn đầy đĩa, một cái trường kỷ và hai chiếc ghế bành. Alberto Caeiro ngồi trên một chiếc ghế bành và ngả đầu về phía sau. Ấy là ông Headmaster Nicolas, giáo sư của ông ở High School.

Tôi không được biết Caeiro lại chính là ông, Fernando Pessoa nói, và ông hơi cúi đầu chào. Alberto Caeiro ra một dấu hiệu mỗi một mời ông lại gần. Bước tới đi, Pessoa thân mến, ông nói, tôi đã cho vơi anh tới đây là vì tôi muốn rằng anh biết sự thật.

Đúng lúc này, người bà-cô đem tới một cái khay trên có nước trà và những miếng bánh ngọt nho nhỏ. Caeiro và Pessoa tự lấy các thức và mỗi người cầm một tách nước. Pessoa nhớ lại là không nên đưa ngón út lên, là vì làm như thế không được thanh lịch. Ông sắp xếp ngay ngắn cái cổ bộ đồ thủy thủ rồi đốt một điếu thuốc. Ông là thầy tôi, Pessoa nói.

Caeiro thở dài, rồi ông mỉm cười. Ấy là một câu chuyện dài, ông nói, nhưng tôi có giải thích dài rộng cho anh chuyện đó cũng vô ích, anh thông minh và sẽ hiểu dù cho tôi có bỏ cách nhiều đoạn. Hãy chỉ cần biết một điều, ấy là tôi, tôi chính là anh.

Xin ông hãy giải bày rõ hơn, Pessoa nói.

Tôi là cái phần thâm sâu nhất của anh, Caeiro nói, cái phần tăm tối của anh. Chính bởi thế mà tôi là thầy anh.

Một tháp chuông, trong khu làng lân cận, điểm giờ.

Còn tôi, tôi phải làm gì?, Pessoa hỏi.

Anh, anh phải theo tiếng nói của tôi, Caeiro nói, anh sẽ nghe tiếng tôi trong khi thức và trong giấc ngủ, đôi khi tôi khuấy rầy anh, khi khác anh lại không muốn nghe thấy tôi. Nhưng anh sẽ phải lắng nghe tôi, anh sẽ phải có can đảm lắng nghe tiếng nói này, nếu anh muốn trở thành một nhà thơ lớn.

Tôi sẽ y lời, Pessoa nói, tôi xin hứa.

Ông đứng dậy và cáo biệt. Chiếc xe ngựa chờ ông ở trước cửa. Lúc này, ông lại trở thành người lớn, và hàng râu mép của ông lại đã mọc ra. Ông muốn tôi đưa ông đi đâu đây?, người đánh xe hỏi.

Hãy đưa tôi về chốn tận cùng của mộng, Pessoa nói, hôm nay chính là ngày toàn thắng của đời tôi.

Ấy là ngày tám tháng Ba, và một ánh sáng rụt rè chiếu xuyên qua cửa sổ của Pessoa.

* Câu này có thể tìm thấy lại dưới một dạng tương tự trong bài sau đây của Álvaro de Campos (một «dị danh» của Fernando Pessoa):

(Ghi trong một cuốn sách bị bỏ lại khi đi xa)

Tôi từ vùng phụ cận Beja tới.

Tôi đi vào trung tâm Lisboa.

Tôi không mang theo gì hết và sẽ chẳng tìm ra gì hết.

Tôi đã moi một từ trước về những gì mình sẽ không tìm ra,

Và nỗi nhớ mà tôi cảm thấy không thuộc về dĩ vãng cũng chẳng thuộc về tương lai.

Tôi để lại nơi cuốn sách này dự tính đã tiêu tan của mình dưới dạng có thể đọc được:

Tôi tựa như cây cỏ, và người ta đã không nhớ lên.

(Chú thích của người dịch)

6. Giấc mộng của Vladimir Maïakovski, thi sĩ và nhà cách mạng

* *Vladimir Maïakovski. Sinh trong một khu làng ở Géorgie năm 1893, ông học vẽ, kiến trúc và điêu khắc. Khi còn rất trẻ, ông đã gia nhập đảng bôn-sê-vích bí mật và từng bị giam giữ. Bị những ý tưởng của tân thời chinh phục, ông đã mau chóng trở thành người nhạc trưởng của trường Vị lai và đã đi một vòng qua nước Nga trên đầu máy xe lửa, khoác một chiếc áo chùng màu cam. Ông hăng hái tham gia cuộc cách mạng bôn-sê-vích và giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các cơ sở nghệ thuật cách mạng. Ông từng là người tổ chức, nhà tuyên truyền, họa sĩ vẽ bích chương và tác giả những vần thơ cuồng nhiệt và hùng tráng. Năm 1925, ông cho đăng một bài thơ nhỏ không ra gì để tán dương hình tượng Lê-nin. Nhưng ở xứ ông, thời buổi đã bắt đầu trở thành khó khăn cho các nghệ sĩ tiên phong. Thất vọng và ghê sợ, ông mắc phải một chứng bệnh thần kinh ám ảnh trầm trọng. Ông không ngừng rửa tay, và thường ra khỏi nhà với một miếng xà-bông nhỏ trong túi. Thuyết chính thức chủ trì rằng ông tự sát bằng một phát súng lục vào năm 1930. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Ngày ba tháng Tư năm 1930, tháng cuối cùng của đời ông, Vladimir Maïakovski, thi sĩ và nhà cách mạng, nằm mộng cùng một giấc mộng mà đã từ một năm nay đêm nào ông cũng nằm mộng.

Ông mộng thấy mình ở trong xe điện ngầm của Mạc-tư-khoa, trên một đường xe chạy với tốc độ lớn. Ông bị tốc độ mê hoặc, là vì ông yêu mến tương lai và máy móc nhưng, lúc này, ông cảm thấy mình bồn chồn nóng nảy cần phải xuống, và ông cứ lay động mãi một món đồ ông để trong túi. Để nén nổi bồn chồn, ông thấy nên ngồi xuống, và ông đã lựa một chỗ ngồi kế bên một bà cụ nhỏ nhắn mặc đồ đen mang một túi lương khô. Khi Maïakovski ngồi xuống bên cạnh bà, bà cụ già nhỏ nhắn giật mình, sợ hãi.

Bộ ta có vẻ mặt tệ đến thế ư?, Maïakovski nghĩ, và ông mỉm cười với bà cụ nhỏ nhắn. Rồi ông nói với bà: xin bà đừng sợ, tôi chỉ là một đám mây và tôi không đòi hỏi gì khác hơn là bước ra khỏi chuyến tàu này.

Cuối cùng con tàu dừng lại ở một trạm nào đó, và Maïakovski bước xuống mà không buồn để ý. Ông bước vào khu nhà cầu đầu tiên ông gặp và lôi cái món đồ ông để trong túi ra. Ấy là một miếng xà-bông vàng vàng, như thứ mà các cô thợ giặt thường dùng. Ông vắn vòi nước và bắt đầu kỳ cọ thật kỹ hai tay, nhưng cái dơ mà ông cảm thấy trên lòng hai bàn tay ông không đi hết. Bởi thế ông lại dứt miếng xà-bông vào túi và bước ra tiến về phía hành lang. Trạm xe này thật vắng vẻ. Ở đầu mút, dưới một tấm bích chương lớn, có ba người đàn ông; những người này nhìn thấy ông, tiến lại gặp. Họ khoác những chiếc áo mưa đen và đội nón nỉ.

Công an chính trị, cả ba đồng thanh nói. Lục soát an ninh.

Maïakovski giơ hai cánh tay lên và để cho họ lục soát.

Thế cái này là cái gì đây?, một người trong bọn họ vung vẩy miếng xà-bông hỏi với một vẻ khinh bỉ.

Tôi không biết, Maïakovski kiêu hãnh nói, tôi không biết gì về những thức ấy hết, tôi chỉ là một đám mây.

Xà-phòng đấy, người đã hỏi ông nham hiểm rì rầm, và chắc là anh rửa tay luôn, cục xà-phòng hầy còn ướt.

Maïakovski không đáp gì hết, ông chùi vàng trán ướt đẫm mồ hôi.

Đi theo chúng tôi, người kia bảo, và y nắm lấy cánh tay ông trong lúc hai người khác theo sau họ.

Họ leo lên những cầu thang và tới một trạm lớn ngoài trời. Bên dưới trạm xe là tòa án, với những vị quan tòa vận đồ nhà binh và một công chúng trẻ em ăn mặc như trẻ mồ côi.

Ba người đưa ông tới mãi hàng ghế bị cáo và trao miếng xà-bông cho một trong các vị quan tòa. Ông tòa này cầm lấy một ống loa mà nói: các sở an ninh của chúng ta đã bắt gặp quả tang một can phạm, y còn mang trong túi tang vật của hoạt động khả nghi.

Đám công chúng trẻ mồ côi đồng thanh phát ra tiếng chê trách.

Can phạm bị kết án phải lên đoạn đầu máy xe lửa, ông tòa dùng cây búa gỗ của mình đập lên kệ phán.

Hai người canh gác tiến lại, lột quần áo Maïakovski và khoác lên người ông một chiếc áo choàng lông thừng màu vàng. Rồi họ điệu ông về phía một đầu máy xe lửa lúc này đã phóng những bùm khói, do một tài công mình trần và có vẻ dữ tợn lái. Trên đầu máy xe lửa, một người lý hình đội chiếc nón trùm đầu tiêu biểu của những người lý hình cầm lăm lăm một cây roi da.

Bây giờ thời người ta sẽ thấy chú mày biết làm những trò gì, người lý hình nói, và đầu máy xe lửa khởi hành. Maïakovski nhìn ra ngoài và nhận thấy họ đang băng ngang vùng đại Nga. Những đồng quê bao la và những vùng bình nguyên, nơi những người đàn ông và những người đàn bà rất gầy nằm sóng sượt, cườm tay bị xích.

Những người này đang chờ thơ của chú mày đó, người lý hình nói, hát đi, thi sĩ. Rồi y quất roi lên người ông.

Và Maïakovski bắt đầu đọc những bài thơ tệ nhất của ông. Ấy là những bài thơ đầy phẫn khởi và hùng biện. Và trong lúc ông đọc thơ, mọi người giơ cườm tay lên, vừa nguyên rửa ông vừa nguyên rửa mẹ ông.

Lúc đó Vladimir Maïakovski thức dậy và đi rửa tay ở nhà cầu.

7. Giấc mộng của Federico García Lorca, thi sĩ và người chống phát-xít

** Federico García Lorca. Sinh trong tỉnh Grenada năm 1898, ông đã theo học ở Madrid và là bạn của các nghệ sĩ chính yếu của thế hệ ông. Ông là thi sĩ, nhưng cũng là nhạc sĩ, họa sĩ và kịch tác gia. Năm 1932, chính phủ cộng hòa Tây-ban-nha giao cho ông trách vụ tạo dựng một nhóm sân khấu giúp cho dân chúng làm quen với các tác phẩm cổ điển. Chính bởi thế mà «La Barraca», một thứ sân khấu lưu động, đã ra đời. Với gánh hát này García Lorca đã đi khắp nước Tây-ban-nha. Năm 1936, ông lập hội các nhà trí thức chống phát-xít. Trong tác phẩm Cante jondo và trong hầu hết thi ca của ông, ông đã tán dương các truyền thống của người gi-tan ở Andalusia, những ca khúc của họ và các đam mê của họ. Ông bị lính xen-dâm của phe Franco sát hại gần Grenada vào năm 1936. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm tháng Tám năm 1936, trong ngôi nhà của ông ở Grenada, Federico García Lorca, thi sĩ và người chống phát-xít, nằm mộng. Ông mộng thấy mình ở trên sân khấu của gánh hát rong nhỏ bé của ông và, trong lúc đệm dương cầm, ông hát những bài hát của người gi-tan. Ông khoác một chiếc áo lễ đen đuôi cá thu, nhưng trên đầu lại mang một chiếc nón andalou rộng vành. Công chúng gồm những bà già mặc hàng đen, vai phủ tấm khăn ren, đang say sưa lắng nghe ông. Một tiếng nói, từ trong phòng, yêu cầu ông một bài hát, và Federico García Lorca bắt đầu trình diễn. Ấy là một bài hát nói về những cuộc quyết đấu và về những đồn điền trồng cam, về những đam mê và về cái chết. Khi ông hát xong Federico García Lorca đứng dậy và chào công chúng. Tấm màn buông xuống, và chỉ tới lúc đó ông mới nhận ra là đằng sau cây đàn dương cầm không có hậu trường, và sân khấu mở ra một vùng đồng quê hoang vắng. Lúc đó là ban đêm, trăng sáng. Federico García Lorca nhìn qua giữa những vạt màn và thấy là sân khấu đã trống rỗng như bị phù phép, gian phòng hoàn toàn vắng vẻ, đèn sáng giảm dần cường độ. Đúng lúc đó ông nghe một tiếng kêu rên và, đằng sau ông, ông nhận ra một con chó mực nho nhỏ dường như đang chờ ông. Federico García Lorca cảm thấy là ông phải đi theo nó và bước một bước. Con chó, như gặp một dấu hiệu đã hẹn trước, bắt đầu lon ton chậm chậm, mở đường. Này mực con, mày đưa ta đi đâu thế?, Federico García Lorca hỏi. Con chó kêu rên thảm thiết và Federico García Lorca cảm thấy rùng mình. Ông quay lại, nhìn về phía sau, và thấy những tấm vách ngăn bằng vải bố và bằng cây của sân khấu đã biến mất. Còn lại là một khoảng sân khấu vắng vẻ dưới ánh trăng, trong lúc cây đàn dương cầm, như thể có những ngón tay vô hình lướt qua, vẫn tiếp tục đàn một mình một giai điệu xưa. Đồng quê bị một bức tường cắt ngang: một bức tường trắng dài và vô dụng, ở bên kia nó lại thấy một vùng đồng quê khác. Con chó đã dừng lại, và lại rên rĩ, cả Federico García Lorca nữa cũng dừng bước. Chính là vào lúc đó, từ sau bức tường tuồn ra những người lính cười cợt vây quanh ông. Họ mặc đồ nâu, và đội những chiếc nón có ba chóp. Một tay họ cầm súng, và tay kia một chai rượu. Thủ lĩnh bọn họ là một người lùn quái gở, đầu y nổi đầy những cục u. Mi là một tên phản bội, người lùn nói, và

chúng ta là những kẻ hành hình mi. Federico García Lorca nhổ vào mặt y trong lúc bọn lính giữ chặt ông lại. Người lùn bật ra một tiếng cười tục tằn và thét lính lột quần ông. Mi là một con đàn bà, y nói, mà đàn bà thì không được mặc quần, đàn bà thì phải nhốt lại nơi buồng kín trong nhà và che đầu bằng khăn ren. Theo một cử chỉ của người lùn, bọn lính cột ông lại, lột quần ông và phủ lên đầu ông một tấm khăn choàng. Này mẹ đàn bà gớm ghiếc mặc giả đàn ông kia, người lùn nói, đã tới giờ mi cầu xin Đức thánh nữ đồng trinh. Federico García Lorca nhổ vào mặt y và người lùn cười cợt chùi chùi. Rồi y rút trong túi ra một khẩu súng sáu và nhét nòng súng vào miệng ông. Người ta nghe điệu đàn dương cầm êm ái băng ngang đồng quê. Con chó rên rĩ. Federico García Lorca chợt nghe một tiếng nện mạnh và choàng dậy trên giường. Người ta đang đập cửa nhà ông ?renada bằng những báng súng.

8. Giấc mộng của Bác sĩ Sigmund Freud, người giải mộng của kẻ khác

** Sigmund Freud (Freiberg, 1856 – Luân-đôn, 1939). Ông là một nhà thần kinh học. Trước tiên ông nghiên cứu chứng loạn thần kinh và khoa thôi miên của Charcot, rồi ông giải mộng cho mọi người (Giải thích những giấc mộng, 1900), tìm cách đi từ những mộng mị đó tới nỗi bất hạnh theo đuổi chúng ta. Ông chủ trì rằng, con người, ở phía bên trong, có một chỗ đông tụ mờ tối, và ông gọi đó là Vô thức. Tác phẩm Năm cuộc phân tâm-giải thích của ông có thể đọc như những cuốn tiểu thuyết thật tài tình. Cái Ấy, cái Ngã và cái Siêu-Ngã là «Tam vị nhất thể» của ông. Và, có lẽ, cũng còn là của chúng ta. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Đêm hôm hăm hai tháng Chín năm 1939, hôm trước ngày ông mất, bác sĩ Sigmund Freud, người giải mộng của kẻ khác, nằm mộng.

Ông mộng thấy mình trở thành Dora và đang băng qua thành phố Vienne đã bị oanh tạc. Thành phố đã bị hủy hoại, bụi và khói bốc lên từ những tòa nhà đổ nát.

Làm sao thành phố này lại có thể bị hủy hoại được?, bác sĩ Freud tự hỏi, và ông cố gấn chặt lại đôi vú giả của mình, nhưng đúng lúc đó, ông gặp, trên đường Rathausstrasse, Frau Marta, đang bước tới với tờ Neue Frei Presse căng ra trước mặt bà.

Ồ, Dora thân mến, Frau Marta nói, tôi vừa mới đọc thấy bác sĩ Freud đã từ Paris trở lại Vienne và ông hiện đang ở đúng nơi này, ở số bảy đường Rathausstrasse, có lẽ chị đến cho ông bác sĩ coi bệnh cũng tốt. Và vừa nói thế, bà vừa lấy chân gạt qua một bên xác một người lính.

Bác sĩ Freud cảm thấy hết sức hổ thẹn, ông hạ tấm mạng che trên mặt. Tôi không hiểu tại sao, ông rụt rè nói.

Là vì chị có quá nhiều vấn đề, Dora thân mến của tôi ời, Frau Marta nói, chị có quá nhiều vấn đề, như hết thấy chúng ta, chị cần phải giải bày tâm sự và, tin tôi đi, chuyện tâm sự thì không có gì bằng bác sĩ Freud, ông ấy hiểu hết về phụ nữ, tới mức đôi khi ông ấy có vẻ như là một người đàn bà vậy, ông ấy hòa mình vào vai trò phụ nữ của họ.

Bác sĩ Freud cáo từ một cách nhã nhặn, nhưng mau lẹ, và ông tiếp tục con đường. Xa hơn đôi chút, ông gặp anh chàng hàng thịt cứ dăm dăm nhìn ông và cất lời khen ngợi ông hơi thô bạo. Bác sĩ Freud dừng lại, có lẽ là vì ông đã muốn thử vài cú dăm với anh ta, nhưng anh chàng hàng thịt đã nhìn cặp giò của ông mà nói: Dora, em cần một đấng nam nhi thực sự, thay vì si mê những trò ảo mộng.

Bác sĩ Freud ngừng lại, giận dữ. Thế nhưng làm sao anh biết thế?, ông hỏi anh ta.

Tất cả thành Vienne này đều biết, anh chàng hàng thịt nói, em có quá nhiều ảo mộng dục

ình, chính bác sĩ Freud đã khám phá ra điều ấy đấy.

Bác sĩ Freud đưa hai nắm đấm lên. Chuyện quả là quá đáng rồi. Ông, bác sĩ Freud, lại là kẻ có quá nhiều ảo mộng tính dục. Có chẳng những ảo mộng ấy, chính là những kẻ khác, những kẻ đến tiết lộ tâm sự với ông kia. Còn ông, ông vẫn là một con người hoàn toàn ngay thẳng, và thứ ảo mộng kia là vấn đề của trẻ nít hay của những người lộn xộn.

Thôi, đừng giả bộ ngây ngô nữa, cô nàng, anh chàng hàng thịt vừa cười vừa nói, và anh ta tặng ông một cái búng tay.

Bác sĩ Freud tươi tỉnh trở lại. Dầu sao, được một anh chàng hàng thịt cường tráng đối xử thân mật cũng hay, và dầu sao, ông cũng là Dora, kẻ có những vấn đề gớm ghiếc.

Ông bước thêm trên đường Rathausstrasse và tới trước nhà ông. Nhà ông, ngôi nhà xinh đẹp của ông, không còn nữa, nó đã bị một trái đạn phá hủy. Nhưng trong khu vườn nhỏ, vẫn còn nguyên vẹn, có chiếc đi-văng của ông. Và trên chiếc đi-văng ấy nằm dài một anh chàng cục mịch đi guốc gỗ và áo sơ-mi bỏ ngoài quần, đang ngáy.

Bác sĩ Freud lại gần anh ta và đánh thức anh ta dậy. Anh làm gì ở đây thế?, ông hỏi anh ta.

Con người cục mịch kia chăm chú nhìn ông với đôi mắt trống rỗng. Tôi tìm ông bác sĩ Freud, anh ta đáp.

Bác sĩ Freud là tôi, bác sĩ Freud bảo.

Thưa bà, xin bà đừng chọc cười tôi, con người cục mịch kia nói.

Thôi được, bác sĩ Freud bảo, tôi sẽ tâm sự với anh một điều, hôm nay tôi đã quyết định khoác bộ dạng của một trong các nữ bệnh nhân của tôi, và chính bởi đó mà tôi ăn mặc như thế đó, tôi là Dora.

Dora, con người cục mịch kia nói, nhưng anh yêu em. Anh ta vừa nói thế vừa ôm lấy ông. Bác sĩ Freud cảm thấy hết sức bối rối và buông mình xuống tấm đi-văng. Đúng lúc ấy ông tỉnh dậy. Đó là đêm cuối cùng của ông, nhưng ông không hay biết.

9. Giấc mộng của Anton Tchekhov, nhà văn và y sĩ

** Anton Pavlovitch Tchekhov. 1860-1904. Nhà văn và nhà soạn kịch Nga. Ông là y sĩ, nhưng chỉ hành nghề trong những lúc có nạn đói kém hay bệnh dịch. Ông mắc bệnh lao phổi. Vào năm 1890 ông băng qua Sibérie để tới đảo Sakhaline xa xôi, nơi có một trại cải huấn, và ông đã viết một cuốn sách về tình trạng khủng khiếp mà những người tù khổ sai phải chịu. Ông yêu một nữ diễn viên sân khấu. Ông viết những truyện ngắn, những bi kịch và hài kịch. Ông nói về đời sống hằng ngày, về những chuyện tầm thường của mọi người, về những người nghèo, về trẻ em, về những chuyện nhỏ và chuyện lớn trong đời. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm vào năm 1890, trong lúc ông đang có mặt ở trên đảo Sakhaline nơi ông tới thăm những người bị giam giữ, Anton Tchekhov, nhà văn và y sĩ, nằm mộng. Ông mộng thấy mình ở trong một gian phòng chung của bệnh viện và người ta đã dùng võ lực khóa cho ông một cái áo trói. Hai bên ông có hai cụ già lợm khộm lải nhải chứng điên khùng của họ. Ông lúc ấy còn thức, tỉnh táo, tự tin và có lẽ đã muốn viết câu chuyện một con ngựa. Một vị bác sĩ tới, mặc đồ trắng, Tchekhov hỏi xin ông ta giấy và một cây viết.

Anh, anh không viết được, là vì anh mắc chứng “tri thức tuyệt đối” quá nặng, vị bác sĩ nói, anh chỉ là một nhà đạo đức thảm hại, và chuyện kia, một người điên khùng không có quyền làm.

Thế ông tên chi?, Anton Tchekhov hỏi ông ta.

Tôi không thể nói tên tôi cho anh, viên bác sĩ đáp, thế nhưng anh phải biết rằng tôi ghét những người viết lách, đặc biệt là những kẻ mắc chứng tri thức tuyệt đối quá nặng. Cái chứng này làm lụn bại thế giới.

Anton Tchekhov cảm thấy muốn tát vào mặt ông ta, nhưng giữa lúc ấy viên bác sĩ đã lôi ra một thỏi son và ông ta đang hóa trang lại. Thế rồi ông ta chụp lên đầu một món tóc giả mà nói: bây giờ tôi là nữ y tá của anh, nhưng anh không viết được, là vì anh mắc chứng tri thức tuyệt đối quá nặng, anh chỉ là một nhà đạo đức, và anh đã tới Sakhaline mặc đồ ngủ. Vừa nói thế, ông ta vừa giải thoát hai cánh tay cho ông.

Ông là một người khốn khổ, Anton Tchekhov nói, cả đến ngựa ông cũng không biết.

Tại sao ta lại cần phải biết tới ngựa?, viên bác sĩ hỏi, ta ta chỉ biết có ông giám đốc bệnh viện của ta.

Giám đốc bệnh viện của ông là một con lừa, Anton Tchekhov nói, chứ không phải ngựa, ngựa là một thứ súc vật chở nặng, nó phải chịu đựng biết bao điều trong suốt một đời. Rồi ông thêm: thôi, để cho tôi viết đi.

Nhưng anh không viết được, viên bác sĩ nói, là vì anh điên.

Hai cụ già ở bên Tchekhov đã quay trở về giường, và một người đứng dậy để tiểu tiện vào cái bình tiểu.

Không sao, Anton Tchekhov nói, tôi sẽ tặng ông một lưỡi dao găm để ông có thể cấn giữa hai hàm răng; và với lưỡi dao này trong miệng ông sẽ ôm hôn ông giám đốc bệnh viện của ông, và các người sẽ hôn nhau một nụ hôn bằng thép.

Rồi ông xoay về một bên và bắt đầu nghĩ tới một con ngựa. Và một người đánh xe ngựa. Người đánh xe ngựa thật khổ sở, là vì ông ta muốn thuật lại cái chết của chính thằng con trai ông ta cho một ai đó. Nhưng không ai chịu lắng nghe ông, thiên hạ không có thì giờ và coi ông như một kẻ quấy rầy. Bởi thế người đánh xe mới đem câu chuyện kia thuật lại cho con ngựa của ông ta, một con thú biết kiên nhẫn. Ấy là một con ngựa đã già, có đôi mắt như mắt người.

Vào lúc đó có hai con ngựa có cánh phi mau tới, cưỡi trên ngựa là hai người đàn bà mà Tchekhov quen biết. Đó là hai nữ diễn viên, các cô nắm trong tay hai cành anh-đào đương hoa. Người đánh xe cột hai con ngựa vào chiếc xe bốn bánh của mình, Anton Tchekhov ngồi vào ghế, và cỗ xe song mã cất lên từ gian phòng chung của bệnh viện, băng qua một trong hai khung cửa lộng kính và lại thông dong ngoài trời. Trong lúc bay giữa những đám mây, họ thấy viên bác sĩ với bộ tóc giả đang làm điệu bộ giận dữ và chửi rủa họ. Hai cô nữ diễn viên buông rơi đôi cánh hoa anh-đào và người đánh xe mỉm cười mà nói: có lẽ tôi có một câu chuyện cần thuật lại, đó là một chuyện buồn, nhưng tôi tin rằng, ông, ông sẽ hiểu được tôi, Anton Tchekhov thân mến ời.

Anton Tchekhov ngả người vào lưng ghế, ông quấn một dải khăn quàng quanh cổ và nói: tôi hoàn toàn rảnh rồi, lại rất kiên nhẫn và ưa thích chuyện của mọi người.

10. Giấc mộng của Henri de Toulouse-Lautrec, họa sĩ và người bất hạnh

** Henry de Toulouse-Lautrec. (Albi, 1864 – Malromé, 1901). Thuộc quý tộc xưa của Pháp, ông là nhà hội họa, đồ hình và in thạch bản. Thân hình dị dạng, ông sống ở Paris một cuộc sống xao động, bất hạnh và phóng túng, thường lui tới các hộp đêm, các ca vũ nhạc trường và nhà thổ. Ông ghét nhà trường và các học viện. Ông thường vẽ các chú hề, các diễn viên, các vũ nữ, những người say rượu, các cô gái điếm, cảnh truy lạc, cảnh khốn cùng, cảnh cô quạnh. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm vào tháng Ba năm 1890, trong một nhà thổ của Paris, sau khi đã vẽ tấm áp-phích cho một vũ nữ mà ông yêu bằng một mối tình không được chia sẻ, Henri de Toulouse-Lautrec, họa sĩ và người bất hạnh, nằm mộng. Ông mộng thấy mình đang ở vùng đồng quê thành phố Albi quê nhà, và lúc ấy là vào mùa hè. Ông đang ở dưới một cây anh-đào nặng những trái và có lẽ đã muốn hái một hay hai trái, nhưng cặp giò ngắn ngủn và dị dạng của ông khiến ông không thể với tới cành cây đầu tiên trĩu nặng những trái. Ông liền đứng kiễng chân lên, và, như thể đó là chuyện tự nhiên nhất trên đời, cặp giò của ông bắt đầu dài ra cho đến khi đạt tới một chiều dài bình thường. Sau khi ông đã hái trái anh-đào, cặp giò của ông lại bắt đầu rút ngắn lại và Henri de Toulouse-Lautrec lại trở lại với vóc người nhỏ bé.

Ồ, ông kêu lên, vậy là ta có thể lớn lên mặc thích. Và ông cảm thấy mình hạnh phúc. Những gié lúa vượt cao hơn ông và đầu ông mở ra một đường lần giữa đám lúa. Ông có cảm tưởng như đang ở trong một khu rừng kỳ dị nơi ông phải mò mẫm bước tới. Ở cuối cánh đồng có một con suối. Henri de Toulouse-Lautrec ngấm mình trong đó như trong một tấm gương và thấy một người lùn rất xấu xí với đôi chân dị dạng, mặc một cái quần kẻ ô vuông, với một cái mũ trên đầu. Ông liền đứng kiễng chân lên và đôi chân lại nhả nhận dài ra, ông lại trở thành một người bình thường và làn nước lại hoàn lại ông hình ảnh một chàng thanh niên đẹp trai, thanh lịch. Henri de Toulouse-Lautrec lại ngắn lại, ông cởi quần áo và nhào xuống suối để tắm mát. Tắm xong, ông phơi nắng, rồi mặc lại quần áo và khởi sự lên đường. Chiều xuống và ở chốn bình nguyên sâu thẳm, ông thấy một vòng những ánh đèn. Ông hướng về đấy, thoăn thoắt bước với đôi chân quá ngắn và, khi tới nơi, ông nhận ra là mình đang ở Paris. Đó là tòa nhà Moulin Rouge, với những chiếc cánh thắp sáng của chiếc máy xay quay quay trên mái. Một đám đông lớn chen chúc nhau ở lối vào và, gần chỗ bán vé là một tấm áp-phích lớn với những màu sắc sáng rực loan báo cuộc trình diễn buổi tối, một vũ điệu tốc váy. Tấm áp-phích cho thấy một vũ nữ đang tốc váy nhảy múa ở phía trước sân khấu; ngay trước những ngọn đèn khí. Henri de Toulouse-Lautrec vui mừng, vì chính ông là người đã vẽ tấm áp-phích này. Rồi, tránh trà trộn với đám đông, ông bước vào qua một cái cửa phụ. Ông đi rảo qua một hành lang nhỏ lù mù và tới phía bên trong hậu trường. Cuộc trình diễn cũng vừa mới bắt đầu. Âm nhạc thật inh tai và Jane Avril, trên sân khấu, đang nhảy múa như con điên. Henri de Toulouse-Lautrec cảm thấy một thèm muốn thật dữ dội, thèm muốn bước lên sân khấu, cả ông nữa, nắm lấy tay Jane Avril

để nhảy múa với nàng. Ông đứng kiễng chân lên và đôi chân ông lập tức dài ra. Ông hăng say lao vào cuộc nhảy múa, cái mũ cối đen lăn qua một bên và ông buông mình theo cơn lốc cuốn của vũ điệu «can can». Jane Avril dường như không lấy làm ngạc nhiên chút nào về chuyện ông trở lại tầm vóc bình thường, nàng nhảy múa và ca hát và ôm hôn ông và ông thật hạnh phúc. Đúng lúc đó thì màn hạ, sân khấu biến mất và Henri de Toulouse-Lautrec lại thấy mình ở bên Jane Avril ở vùng đồng quê Albi. Lúc này lại là giữa trưa, và ve sầu lại inh ỏi như điên dại. Jane Avril, mặt ngoài vì nóng bức và vì nhảy múa, buông mình xuống dưới bóng một cây sồi và nàng vén váy lên mãi tới đầu gối. Rồi nàng giơ hai cánh tay và Henry de Toulouse-Lautrec khoan khoái buông mình vào đấy. Jane Avril siết lấy ông áp vào đôi vú nàng và ru ông như người ta ru một đứa nhỏ. Chân ngắn, anh cũng vừa ý em, nàng rì rầm vào một bên tai, nhưng lúc này chân anh đã lớn lên, anh còn vừa ý em hơn nữa. Henri de Toulouse-Lautrec mỉm cười, đến lượt mình ông ôm hôn nàng và, siết chặt lấy cái gối êm vào người, ông xây qua phía bên kia và tiếp tục mơ.

11. Giấc mộng của Achille Claude Debussy, nhạc sĩ và nhà thẩm mỹ

** Achille Claude Debussy. Saint-Germain-en-Laye, 1862 – Paris, 1918. Ông học nhạc với các nhạc sư Marmontel và Guiraud, đoạt Giải thành La-mã, cư ngụ trong ba năm tại Villa Médicis, lúc đầu ham thích nhạc Wagner rồi mất cảm hứng ấy. Tại Hội chợ Hoàn vũ Paris ông đã khám phá ra âm nhạc Đông phương, ảnh hưởng tới ông. Ông ưa thích các nghệ sĩ tượng trưng, ấn tượng và văn phái «suy đồi» (hay thuần túy tượng trưng). Ông sống một cuộc sống thanh nhã và ẩn dật, hoàn toàn cống hiến cho âm nhạc và nghệ thuật. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Đêm hăm chín tháng Sáu năm 1893, một đêm trong trời mùa hè, Achille Claude Debussy, nhạc sĩ và nhà thẩm mỹ, mộng thấy mình ở trên một bãi biển. Ấy là một bãi biển của vùng đầm nước mặn ở Toscane, viền quanh bằng những lùm bụi rậm rạp và thông. Debussy đã tới, quần vải gai, đội mũ rơm, ông bước vào cái chòi thay quần áo mà Pinky đã chỉ định cho ông trước đó, và ông cởi quần áo. Ông thoáng thấy Pinky trên bãi biển, nhưng thay vì làm một điệu bộ chào bà, ông trườn vào bóng tối của căn chòi. Pinky là một người đàn bà đẹp, chủ nhân một biệt thự, bà chăm sóc những tay bơi họa hiếm được mời tới bãi biển tư của bà, và lúc này bà đang dạo chơi ở bờ biển, che phủ bằng một tấm khăn choàng màu trời xanh rủ xuống từ chiếc mũ của bà. Bà thuộc về giới quý tộc xưa và xưng hô thân mật với hết mọi người. Điều đó không vừa ý Debussy, ông ưng được đối xử theo đúng thể thức.

Trước khi mặc bộ đồ, ông nhún đầu gối mấy cái, rồi vuốt ve cái giống của mình khá lâu, cái giống lúc này đã hơi cứng lên, là vì cảnh cái bãi biển vắng vẻ này, cùng với cái nắng và màu biển xanh, đã đem lại cho ông một thứ kích thích nào đó. Ông luồn vào người một bộ đồ nghiêm nghị, màu xanh, với hai ngôi sao trắng nhỏ trên vai. Đúng lúc ấy, ông thấy Pinky và hai con chó Đan-mạch lúc nào cũng đi kèm bà đã biến mất, và trên bãi biển không còn một ai.

Debussy băng qua bãi biển với chai sâm-banh mà ông đã mang theo. Tới bên bờ nước, ông đào một cái hốc nhỏ trong cát và luồn chai rượu vào đấy cho nó vẫn được mát lạnh, rồi ông bước xuống biển và bơi.

Ông cảm thấy ngay hiệu quả tốt của nước. Ông yêu biển hơn hết mọi sự và có lẽ đã muốn đề tặng biển một nhạc điệu. Mặt trời đã lên tới tột điểm, mặt nước lấp lánh. Debussy, bằng lối bơi sỏi lớn, đã lặn lẽ trở lại. Khi tới bãi, ông đào chai sâm-banh lên và uống khoảng nửa chai. Ông có cảm tưởng như thời gian đã dừng lại và ông nghĩ ấy đó chính là chuyện âm nhạc cần phải làm: dừng thời gian lại.

Ông tiến về phía cái chòi và cởi quần áo. Trong lúc đang cởi quần áo, ông nghe có những tiếng động ở những lùm bụi rậm rạp và ông lại bên cửa sổ. Giữa những bụi rậm trước mặt cách đấy vài mét, ông thấy một ông thần thôn dã đang tán tỉnh hai cô thủy thần. Một trong hai cô đang vuốt ve đôi vai của thần thôn dã, trong lúc cô kia, vẻ đầy tình tứ, đang phác những nét nhảy múa.

Debussy cảm thấy hết sức mỏi mệt và khởi sự vuốt ve mình chậm chậm. Rồi ông tiến về phía lùm bụi rậm rạp. Khi họ thấy ông tới, cả ba kẻ kia mỉm cười với ông và thần thôn dã bắt đầu thổi ống sáo. Ấy đúng là thứ nhạc mà Debussy có lẽ đã muốn soạn, và ông ghi lại điệu nhạc đó trong đầu. Rồi ông ngồi trên những kim thông, cái giống cứng lên. Thần thôn dã liền nắm lấy một cô thủy thần và làm tình với cô. Cô thủy thần kia, bằng một điệu múa lạnh lẽ, đã lại gần Debussy, và vuốt ve bụng ông. Ấy là một buổi xế trưa và thời gian bất động.

12. Giấc mộng của Francisco Goya y Lucientes, họa sĩ và người có linh thị

** Francisco Goya y Lucientes. Saragosse, 1746 – Bordeaux, 1828. Ông sinh ra nghèo khổ và chết nghèo khổ. Ông học vẽ ở Madrid, du lịch ở Ý, viếng thăm La-mã và Venise. Tại triều đình Tây-ban-nha, ông đã được biết tới những đặc ân và sự thất sủng, những thành công về đường tình ái và những muộn phiền chua chát. Ông là «người được che chở» của bà công tước D’Albe, người mà ông đã biến thành bất tử trong một bức tranh. Lâu lâu ông bị điên. Những cơn chướng, về vào năm 1799, đã khiến ông bị đưa ra xử trước Tòa bài trừ tà đạo. Ông thường trình bày những linh thị khủng khiếp, những thảm họa chiến tranh và những nỗi bất hạnh của con người. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Đêm ngày một tháng Năm năm 1820, trong lúc cơn điên cách đoạn tới thăm ông, Francisco Goya y Lucientes, họa sĩ và người có linh thị, nằm mộng.

Ông mộng thấy mình ở dưới một cái cây với người yêu thời thanh xuân của ông. Ấy là ở vùng đồng quê khắc khổ miền Aragon, và mặt trời đã lên cao. Người yêu của ông lúc đó ngồi trên một cây đu, và ông đang đẩy vào lưng nàng. Nàng mang một chiếc dù nhỏ bằng ren, và nàng cười một tiếng cười ngắn và nóng nảy. Rồi nàng rớt xuống đồng cỏ, và ông cũng rơi theo lẫn lộn xuống sườn dốc. Cả hai lẫn trên sườn đồi, mãi cho tới khi họ tới một bức tường màu vàng. Họ tựa người vào bức tường và thấy những người lính, có một cây đèn soi sáng, đang bắn người ta. Cây đèn không thích hợp, trong cái cảnh nắng sáng này, nhưng lại soi một ánh xanh mờ cho cảnh tượng. Bọn lính bắn và mọi người ngã xuống đất, phủ lấy những vũng máu do chính máu họ tụ thành. Francisco Goya y Lucientes liền rút cây cọ vẽ vẫn mang ở thắt lưng và ông tiến tới vung cây cọ lên một cách hăm dọa. Bọn lính, như bị phép màu, biến mất, kinh hãi trước cảnh hiện hình này. Và thay vào chỗ bọn chúng hiện ra một tên khổng lồ ghê rợn đang nhai nuốt một bắp đùi người ta. Tóc nó thật dơ bẩn và mặt nó xanh mét, hai dòng máu chảy xuống từ hai bên mép nó, đôi mắt nó mờ đục, thế tuy nhiên nó lại cười ra tiếng.

Mi là ai?, Francisco Goya y Lucientes hỏi nó.

Tên khổng lồ chùi miệng mà nói: ta là quái vật chế ngự loài người, Lịch sử là mẹ ta.

Francisco Goya y Lucientes tiến tới một bước và vung cây cọ lên. Tên khổng lồ biến mất và thay vào chỗ nó hiện ra một mục già. Ấy là một con mục đánh ác móm mém, da dẻ sần sùi và hai mắt vàng vàng.

Mi là ai?, Francisco Goya y Lucientes hỏi mục.

Ta là sự tỉnh mộng, mục già nói, và ta chế ngự thế giới, là vì mỗi giấc mộng của con người đều là một giấc mộng ngắn hạn.

Francisco Goya y Lucientes tiến tới một bước và vung cây cọ lên. Mục già biến mất và thay

vào chỗ mù hiện ra một con chó. Ấy là một con chó nhỏ bị vùi trong cát, và chỉ có cái đầu nhô ra.

Mi là ai?, Francisco Goya y Lucientes hỏi nó.

Con chó cố hết sức vươn cổ lên mà nói: tôi là con thú tuyệt vọng và tôi đích cần tới những thứ phiền muộn của nhà anh.

Francisco Goya y Lucientes tiến tới một bước và vung cây cọ lên. Con chó biến mất và thay vào chỗ của nó hiện ra một người đàn ông. Ấy là một ông già mắc chứng phì mập, khuôn mặt nhũn nhẽo và khổ sở.

Người là ai?, Francisco Goya y Lucientes hỏi ông ta.

Người đàn ông nọ mím một nụ cười mỗi mệ mà nói: ta là Francisco Goya y Lucientes, anh không thể làm gì chống lại ta được hết.

Đúng lúc ấy Francisco Goya y Lucientes tỉnh dậy và lại thấy mình đơn độc trên giường.

13. Giấc mộng của Samuel Taylor Coleridge, thi sĩ và người nghiện thuốc phiện

**Samuel Taylor Coleridge. 1772-1834. Ông học ở Cambridge, nhưng không đậu. Vì thất tình, ông đăng vào một trung đoàn kỵ binh với tên giả là Silas Tomkyn Comberbacke, và đã phải chuộc lại bằng tiền của của anh ông. Ông là một người nhiệt tình mong ước cõi không tưởng: về tôn giáo, ông theo thuyết «thần vị đơn nhất», và là người sáng lập thuyết «pantisocratie», một dự án cộng sản (trước khi có danh hiệu này) với tham vọng giải thoát mọi người khỏi sự bất bình đẳng. Với thuốc phiện, đã thu hút ông từ trước, ông biết tới những «thiên đường giả» (khoái lạc do ma túy tạo ra) nhưng, trái với bạn ông là De Quincey, ông không bao giờ tự hào về tật xấu của mình và đã sống trải tật ấy trong đơn độc. Là người có linh thị, kẻ mơ mộng và nhà siêu hình, ông đã để lại cho chúng ta, cùng với những điều khác, một cơn mê sáng mãnh liệt dưới dạng «ballade»: The Rime of the Ancient Mariner ('Mấy vần thơ của người thủy thủ xưa'). (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm vào tháng Mười Một năm 1801, trong ngôi nhà của ông ở Luân-đôn, bị cơn mê sáng của thuốc phiện giày vò, Samuel Taylor Coleridge, thi sĩ và người nghiện thuốc phiện, nằm mộng. Ông mộng thấy mình ở trên một con tàu bị giam hãm trong đá băng. Ông, ông là thuyền trưởng, và các thủy thủ của ông, nằm trên boong tàu, đang lấy những mảnh giẻ và chần rách khốn khổ tìm cách phòng lạnh. Mặt mũi họ hốc hác, đôi mắt quầng sâu và bệnh tật. Một con hải âu mạnh mẽ, đang đậu trên một cái cán móc trên tàu, giang đôi cánh ra, phóng một chiếc bóng đe dọa trên boong. Samuel Taylor Coleridge gọi viên thuyền phó và ra lệnh cho ông này mang tới cho ông một khẩu súng trường, nhưng viên sĩ quan trả lời rằng không còn thuốc súng nữa và đưa cho ông một cái nỏ. Samuel Taylor Coleridge nắm lấy cây nỏ và nhắm bắn.

Ông nghĩ rằng khi giết con hải âu, có lẽ ông sẽ có thể cho thủy thủ của ông ăn, và như thế tránh cho họ khỏi bị hoại huyết mà chết. Ông nhắm và phóng mũi tên. Con hải âu, bị mũi tên xuyên qua cổ, rớt xuống boong tàu và máu nó bắn tung tóe lên đá băng ở chung quanh. Đúng lúc đó thì từ đám máu trên đá băng này nảy sinh một con rắn biển, con rắn này mau lẹ ngóc đầu lên và vừa tựa vào thành băng vừa rít lên với cái lưỡi chẻ hai. Samuel Taylor Coleridge chụp lấy cây kiếm thuyền trưởng mà ông vẫn đeo bên hông, và lập tức chặt đầu con rắn. Lúc đó, từ cái đầu bị chặt này lại nảy sinh một người đàn bà, gầy ốm, mặc hàng đen, khuôn mặt xanh mét, với đôi mắt của người bị quỷ ám. Người đàn bà mang trên tay những con súc-sắc để chơi, mụ ngồi trên tầng lái tàu ở phía sau mà gọi vị thuyền trưởng. Lúc này ta phải chơi súc-sắc thôi, mụ nói, nếu anh thắng thì con tàu của anh sẽ được giải thoát, nếu tôi thắng thì tôi sẽ mang thủy thủ của anh theo luôn. Viên sĩ quan phụ tá chạy vội tới bên Samuel Taylor Coleridge và, nắm lấy một cánh tay ông để giữ ông lại, ông ta xin ông đừng nghe lời người đàn bà hắc ám này, là vì làm như thế hẳn sẽ đưa họ hết thủy đến chỗ điêu tàn, nhưng ông, ông đã dạn dĩ tiến về phía người đàn bà kia và, nghiêng mình chào, ông tuyên bố sẵn sàng chơi. Người đàn bà đưa cho ông cái cốc đựng những con súc-sắc, Samuel Taylor Coleridge nắm lấy cốc và siết chặt vào ngực. Thế rồi ông lắc cái cốc thật dữ dội trước khi hất những con súc-sắc xuống sàn. Đám thủy thủ phát ra một tiếng hoan hô: mười một chấm, ấy là số điểm mà vị thuyền trưởng của họ đã thực hiện được. Người đàn bà hắc ám bút tóc và khóc, rồi mụ cười ranh mãnh, rồi mụ lại khóc trong lúc than van rên rỉ tựa như một con chó kêu ăng ẳng. Sau cùng mụ cầm lấy mấy con súc-sắc, và bằng một cử chỉ rộng lớn, như thể cánh tay mụ đã muốn quét hết boong tàu, mụ phóng chúng ra. Những con súc-sắc lăn trên sàn rồi dừng lại cho thấy sáu chấm về một phía và sáu chấm về phía kia. Lúc này nổi lên một ngọn gió lạnh buốt, quất lên họ những tràng dài đông giá. Do tác dụng của gió, các thủy thủ, người đàn bà hắc ám và con tàu biến mất, một lớp khói xám lan rộng trên tất cả những thứ đó, và Samuel Taylor Coleridge choàng mắt dậy để thấy buổi hừng đông đầy sương mù đang ló ra ở cửa sổ.

14. Giấc mộng của Lucius Apulée, nhà văn và pháp sư

** Lucius Apulée. 125-180 theo Tây lịch. Sinh tại Madaure, ở Bắc Phi, ông học khoa tu từ học (hùng biện) ở Carthage, ở La-mã và ở Nhã-diễn, và ông đã khởi sự học hỏi việc sùng bái những phép huyền bí. Sau khi lấy góa phụ Pudentilla, ông bị cha mẹ bà này tố cáo là đã đưa đẩy bà tới hôn nhân bằng những phương kế yêu ma quỷ quái để chiếm đoạt của hồi môn của bà. Các sách ông viết tiết lộ cho chúng ta một con người bí ẩn, có khuynh hướng thần bí, thiên về giáo lý bí truyền. Cuốn sách quen biết nhất của ông, Con lừa vàng, là một thứ tiểu sử « vào đời » thuật lại những hồi đoạn « thăng trầm » của Lucius khi còn trẻ, bị ma thuật biến thành con lừa và cuối cùng tìm lại được hình dạng người ta. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Vào một đêm tháng Mười năm 165 theo Tây lịch, ở thành Carthage, Lucius Apulée, nhà văn và pháp sư, nằm mộng. Ông mộng thấy mình ở trong một thị trấn nhỏ của xứ Numidie, ấy là vào một buổi chiều mùa hè oi bức của Phi châu, ông đang đi dạo gần cổng chính của thị trấn thì nghe có những tiếng cười và tiếng kêu la cuốn hút ông. Ông bước qua cổng và nhìn thấy gần đây thành bằng đất sét đỏ, có một đám người làm trò nhào lộn đang trình diễn. Một người leo dây để nửa mình trần, thân hình bôi trắng chất bạch diên, đang vùng vẫy, giữ thăng bằng trên một sợi dây, giả bộ sắp té. Đám đông vừa cười vừa lo sợ, lũ chó sủa. Rồi người leo dây mất thăng bằng, nhưng tay bám được vào sợi thừng người còn lơ lửng. Đám đông thét lên một tiếng hoảng hốt, để kể đó vỗ tay, hài lòng. Những người làm trò nhào lộn quay một cái trục căng sợi dây và người leo dây nọ buông mình trườn xuống đất làm đủ điệu bộ nhăn nhó. Một người thổi ống sáo nhỏ tiến tới giữa vòng đất nện với ánh lửa chiếu rọi lên người, và bắt đầu thổi một điệu nhạc kiểu Đông phương. Đúng lúc đó thì từ một chiếc xe lớn dừng làm nơi ở, bước ra một người đàn bà có bộ ngực thật lớn, mình che phủ những tấm khăn choàng, tay cầm một chiếc roi da. Mụ vừa tiến lên vừa quất vào không khí rồi quẩn chiếc roi da quanh thân hình mụ. Ấy là một người đàn bà có mớ tóc nâu, và có những quầng thâm thật sâu đến nỗi lớp phấn thoa trên mặt, vì mồ hôi tháo ra, dường như đã dán chúng lên đôi má.

Apulée có lẽ đã muốn bỏ đi, nhưng có một sức mạnh huyền bí buộc ông ở lại, gấn đôi mắt vào mụ đàn bà ấy. Tiếng trống bắt đầu nổi, trước tiên còn chậm rãi rồi với một nhịp điên cuồng. Lúc đó có bốn con ngựa trắng oai nghiêm và một con lừa mỗi một khốn khổ bước ra từ bên dưới chiếc lều lớn nơi nhốt thú vật. Người đàn bà nhảy múa quất roi vun vút, và bày ngựa lồng lên trước khi lao vào một vòng ngựa đua thật mau. Con lừa thời đi nằm ở một góc, bên những chuồng khỉ, và, lấy đuôi bắt đầu phe phẩy đập ruồi trên lưng. Người đàn bà nhảy múa lại quất roi vun vút, lũ ngựa dừng lại rồi quỳ gối xuống trong lúc cất tiếng hí thật lâu. Tức thì, người đàn bà, với một sự nhanh nhẹn không ngờ căn cứ vào thân hình vạm vỡ của mụ, nhảy vọt lên và, một chân chống lên một con ngựa, một chân trên một con ngựa khác, mụ bắt đầu quẩn ngựa trong lúc đứng thật thẳng, hai ống chân dạn ra trên mông chúng. Và vừa phi ngựa, mụ vừa lay động cái cán roi trước bụng, một cách tục tằn, trong lúc đám đông rì rầm khoan

khoái. Lúc đó tiếng trống ngừng lại và con lừa mỗi một, như thể tuân theo một mệnh lệnh vô hình nào đó, lật ngửa ra, bốn vó chống lên trời, và bày ra trước công chúng cái giống cứng lên của nó. Người đàn bà, đi một vòng đua ngựa, kêu lên rằng chỉ có những người nào có trả tiền thật mới được coi phần trình diễn tiếp theo, và hai người làm trò nhào lộn ăn mặc như quân canh, cầm roi, xua đuổi trẻ con và những người hành khất.

Apulée còn lại, đơn độc, giữa số người ít ỏi không đi ra. Ông rút hai đồng tiền bằng bạc từ trong túi tiền mà trả, chuẩn bị coi cuộc trình diễn. Người đàn bà chụp lấy cái giống của con lừa và, dâm dăng kỳ cọ nó vào bụng mình, mục khởi sự một điệu nhảy múa say đắm tình tứ, trong lúc vén những tấm khăn choàng để phô bày những nét yêu kiều của mục. Apulée lại gần và đưa một bàn tay lên; con lừa liền mở miệng, nhưng thay vì cất tiếng lừa kêu, nó lại để thốt ra những tiếng người.

Tôi là Lucius, nó nói, anh không nhận ra tôi sao?

Lucius nào? Apulée hỏi.

Lucius của anh đó, con lừa nói, Lucius trong những chuyện phiêu lưu của anh đó mà, Lucius bạn anh.

Apulée nhìn quanh mình, tin chắc rằng tiếng nói kia từ vùng chung quanh tới, nhưng cánh cửa ở lũy thành đã đóng, lính canh đang ngủ và đằng sau ông là đêm Phi châu sâu thẳm đang hít thở, lặng lẽ.

Mục phù thủy này đã yểm độc cho tôi, con lừa nói, mục đã giam giữ tôi trong cái dạng thú này, và anh là người duy nhất có thể giải thoát tôi, anh là nhà văn và pháp sư.

Apulée nhảy về phía đồng lừa và, nắm lấy một thanh củi rục hồng, ông vạch những dấu hiệu trong không, thốt những lời mà ông biết mình phải thốt ra. Mục đàn bà kêu lên, một vết nhăn ghê tởm phác ra trên đôi môi mục, và khuôn mặt mục bắt đầu tàn úa, khiến cho mục có cái dáng vẻ của một bà già sọm. Lúc ấy, như bởi phép thần thông, mục đàn bà tan biến trong không, và cùng với mục cũng biến mất luôn bọn nhào lộn, vòng lũy thành bao quanh, đêm Phi châu. Đột nhiên trời sáng: ấy là một ngày sáng rõ huy hoàng, ở La-mã, Apulée đang dạo chơi dọc theo thương trường với người bạn ông là Lucius ở bên ông. Hai người vừa đi vừa chuyện gẫu, và nhìn ngắm những cô nô lệ xinh đẹp nhất đang đi đi lại lại qua khu chợ. Tới một lúc nọ, Apulée dừng chân và, nắm lấy tấm áo dài của Lucius, ông nhìn vào mắt anh mà nói: đêm rồi, tôi nằm mộng.

15. Giấc mộng của Cecco Angiolieri, thi sĩ và kẻ phạm thánh

** Cecco Angiolieri. Sienne, 1260-1310. Ông là một người Toscane dễ nóng giận và hay xúc phạm tới thần thánh. Ông thường phải phạt vạ và bị kiện tụng, phá tán di sản của cha ông và chết trong khốn cùng. Trong lúc thơ của thời ông tán tụng người đàn bà hoàn hảo như thiên thần, ông cất lời ngợi khen cô con gái thô lỗ, cục mịch của một người thuộc da. Ông để tâm chăm sóc đến sự lãng mạn và chải rửa, tán dương đồ đạc, rượu chè, tiền bạc và tự hào về nỗi oán thù đối với bậc sinh thành của mình và sự nguyên rủa của thiên hạ. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm vào tháng Giêng năm 1309, trong lúc ông nằm sóng sượt trên một chiếc đệm rom của bệnh viện thành Sienne, người quần những dải băng tanh tưởi, Cecco Angiolieri, thi sĩ và kẻ phạm thánh, nằm mộng. Ông mộng thấy rằng, vào một ngày hè nung nấu, ông đi qua trước tòa đại thánh đường. Biết rằng nơi này thật mát mẻ, ông nghĩ tới chuyện bước vào đó để trốn cái nóng mùa viêm nhiệt, nhưng thay vì làm một cử chỉ quý gối và nhúng ngón tay vào nước phép, ông lại bắt treo những ngón tay ra dấu trừ tà, là vì ông sợ rằng nơi này đem lại tai họa cho ông.

Ở nguyên đường đầu tiên bên phải có một người họa sĩ đang vẽ một bức tranh Thánh mẫu. Người họa sĩ là một chàng trai trẻ tóc hoe vàng, anh đang ngồi trên một cái ghế dựa, bảng trộn màu ở giữa hai cánh tay, trong một dáng điệu nghỉ ngơi. Bức tranh thánh thiêng đã gần xong: đây là một bức Thánh nữ Đồng trinh có đôi mắt xiên xiên và nụ cười khó nhận thấy, đang giữ Chúa hài đồng Giê-su trên đầu gối, trong những nếp quần áo. Người họa sĩ chào ông thật dễ thương, và đáp lại, Cecco Angiolieri bật ra một tiếng cười. Rồi ông bắt đầu xem xét bức tranh, và cảm thấy hết sức khó chịu. Vẻ mặt của người đàn bà kiêu kỳ này làm ông bức tức; bà nhìn thiên hạ với sự kiêu căng dị hợm như thể hết sức khinh bỉ những sự vật trần thế. Ông không thể chịu nổi nữa: ông lại gần bức tranh và, đưa thẳng cánh tay phải tới, ông làm một cử chỉ tục tĩu với nó. Chàng họa sĩ từ ghế ngồi nhảy chồm lên, toan chặn ông lại, nhưng Cecco Angiolieri, như bị quỷ ám, vùng vẫy và làm một cử chỉ tục tĩu khác bằng cánh tay trái. Lúc đó Đức nữ Đồng trinh chuyển động hai con mắt như thể ấy chính là con mắt người ta và nhìn ông một cái nhìn như nẩy lửa. Cecco Angiolieri cảm thấy một sự rùng mình kỳ dị qua khắp thân thể, ông bắt đầu co rút và thu nhỏ người lại, thấy rằng tứ chi phủ đầy lông đen, và nhận ra rằng giữa hai cẳng chân ông đã mọc ra một cái đuôi dài; ông tìm cách hú lên, nhưng thay vì một tiếng hú, ấy là một tiếng mèo kêu ghê rợn thoát ra từ miệng ông, và, nhỏ bé và nổi giận dưới chân người họa sĩ, ông ý thức rằng ông đã trở thành một con mèo. Ông nhảy tới một bước, lui một bước, như hoảng hốt vì chốn ngục tù quái gở là cái thân xác mới này, rồi ông nghiêng rặng, giận dữ, và ra khỏi ngôi nhà thờ trong lúc meo-meo một cách hung dữ. Trong lúc đó, buổi chiều đã xuống trên quảng trường. Cecco Angiolieri trước hết đi men sát những bức tường, rồi ông nhìn quanh ông xem có ai để ý tới ông. Nhưng quảng trường đã hầu như hoang vắng. Ở góc đường, gần một tủu quán, một nhóm người trẻ về du đảng đã mang những hũ rượu lớn ra ngoài mà uống.

Cecco Angiolieri nảy ra cái ý rảo qua trước quán rượu, là vì ông đói, và có lẽ ông rất có thể kiếm được một cái vỏ pho-mai nào đó. Ông đi dọc theo vách tường của quán rượu, qua trước cánh cửa được thắp sáng với hai cây đuốc móc lên khung cửa. Đúng lúc này, một đứa trong bọn trẻ vô lại kêu ông bằng cách phát ra thứ tiếng chút môi đặc biệt dành cho lũ mèo, và chỉ cho ông một lớp da bọc quanh miếng dăm-bông. Cecco Angiolieri chạy vội tới chân nó và ngoạm lấy miếng da, nhưng ấy đúng là lúc bọn trẻ vô lại đã tóm lấy ông bằng cách ghì chặt và đưa ông vào bên trong quán rượu. Cecco Angiolieri đã toan cắn và quào cẩu, nhưng bọn du-côn giữ ông thật chắc: một đứa bóp miệng ông, những đứa khác giữ chặt lấy chân cẳng khiến ông không thể làm gì được. Khi bọn chúng đã ở bên trong quán rượu, bọn ranh con này lấy cái bình chứa nhựa thông thường dùng cho những ngọn đuốc, bôi trét nhựa vào lông ông thật tỉ mỉ. Rồi, dùng một bó đuốc, chúng châm lửa vào ông và thả ông ra. Cecco Angiolieri, bị biến thành một trái cầu lửa, vọt ra ngoài quán rượu trong lúc kêu meo meo khủng khiếp, lao ình vào những vách tường nhà, rồi lăn lộn dưới đất, nhưng ngọn lửa không tắt. Ông bắt đầu chạy qua khắp các con hẻm nhỏ tối tăm ở Sienne như một ánh chớp, soi sáng chúng trên lối ông qua. Ông không biết đi đâu, để mặc cho bản năng cuốn theo. Ông đã quay vòng hai lần liên tiếp, rảo qua ba con đường, băng qua một quảng trường, leo lên những bậc thang, tới trước một cung điện. Ấy đó là nơi thân phụ ông ở. Cecco Angiolieri trèo lên cầu thang lớn, đi qua trước mặt những gia nhân kinh hãi, bước vào trong phòng ăn nơi thân phụ ông đang dùng bữa và hú lên: cha ôi, con đã thành một ngọn lửa, xin cha hãy cứu lấy con! Và vào đúng lúc ấy Cecco Angiolieri thức dậy. Các y sĩ đang tháo gỡ các đồ băng bó cho ông và thân hình ông, phủ đầy những vết thương khủng khiếp do bệnh sỏi nấm của lúa mạch gây ra, thiêu đốt ông như một ngọn lửa.

16. Giấc mộng của François Rabelais, nhà văn và thầy tu xuất

** François Rabelais. 1494-1553. Ông từng là thầy dòng Đa-minh. Đã cởi bỏ áo dòng và trở thành một y sĩ nổi tiếng của bệnh viện Lyon. Nhưng ông không bao giờ từ bỏ những thói quen của đời sống tu viện. Ấy là một người thông thạo tiếng la-tinh, có học thức, và bị các giới chức quyền của thời ông coi rẻ vì ông có những ý tưởng tiến bộ. Có lẽ để «thăng hoa» những cuộc ăn chay mà luật tắc tu viện bắt buộc ông, ông đã viết một cuốn sách cho đến nay vẫn thời danh, trong đó ông bịa ra hai người khổng lồ, Gargantua và Pantagruel, là những kẻ phàm ăn và đam mê hưởng lạc lớn nhất của tất cả nền văn chương Tây phương. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm vào tháng Hai năm 1532, tại bệnh viện Lyon, trong lúc ông đang ngủ trong căn buồng nhỏ khắc khổ của người y sĩ, sau bảy ngày chay tịnh theo đúng những quy tắc của cuộc sống tu viện mà ông tiếp tục tuân giữ mặc dù đã rời bỏ nhà dòng, François Rabelais, nhà văn và thầy tu xuất, nằm mộng. Ông mộng thấy mình đang ở dưới dàn cây xanh của một quán trọ ở miền Périgord, và lúc ấy là vào tháng Chín. Người ta đã dựng một chiếc bàn dài, hẹp, phủ khăn bàn trắng toát, chất đầy những bình pha-lê đựng rượu nho, và ông đang ngồi ở một đầu bàn. Phía đối diện được chuẩn bị cho một người khác, nhưng ông không biết người khác đây là ai, ông chỉ biết rằng mình phải chờ đợi. Trong lúc ông chờ đợi, chủ quán đã mang lại cho ông một đĩa ô-liu ướp muối và một cốc rượu tần để lạnh, và ông bắt đầu nhâm nhi, trong lúc nhắm nháp thứ rượu tần tuyệt diệu có màu hổ phách tuyệt đẹp này. Tới một lúc nào đó, ông nghe có tiếng móng ngựa lộp cộp và thấy một đám bụi mù tiến gần lại trên con đường chính. Ấy là một cỗ xe song mã bốn bánh vẽ vương giả, với một người đánh xe mặc hàng đỏ và hai người hầu đứng trên các bục xe. Cỗ xe dừng lại trên đồng cỏ của quán trọ, những người hầu thối hai tiếng kèn vang rồi vội vã bước xuống để trải một tấm thảm đỏ trước cửa cỗ xe ngựa. Họ đứng nghiêm và loan báo: Đức chúa Pantagruel, vua thực phẩm và rượu vang! François Rabelais đứng dậy, là vì ông hiểu rằng thực khách của ông đã tới, đang oai vệ tiến tới trên tấm thảm đỏ mà quân hầu trải ra dưới bước chân ngài. Đó là một người có tầm vóc khổng lồ, ngài vừa bước vừa đưa hai tay đỡ lấy bụng, một cái bụng bự tựa như một cái bị da đựng nước, lắc qua bên phải và qua bên trái. Một bộ râu đen rậm viền quanh khuôn mặt, và trên đầu ngài mang một chiếc mũ lớn rộng vành. Đức chúa Pantagruel mím miệng lại lộ một nụ cười thân ái, xắn hai ống tay bộ áo vương giả của ngài và ngồi vào đầu bàn kia. Viên chủ quán tới, theo sau có hai người hầu bàn mang một liễn súp bốc khói, và ông ta bắt đầu dọn ăn. Súp lúa mạch, lúa mì và đậu, ông ta vừa dọn ra vừa loan báo, một chút gì nhẹ để cho dạ dày bắt đầu chạy. Đức chúa Pantagruel cột quanh cổ một chiếc khăn ăn lớn như một tấm « ra » (vải trải giường) và ra hiệu cho François Rabelais là họ có thể khởi sự. Ấy là một thứ súp mễ-cốc trong đó lập lờ những lá nguyệt quế và những nhánh tỏi, một chút gì thật rất tế nhị. François Rabelais ăn một đĩa đầy rất khoái trá, trong lúc ngài chúa tể Pantagruel, sau khi lịch sự xin phép, đã đưa lại gần mình liễn súp và bắt đầu húp thẳng từ đấy. Trong lúc ấy những người hầu bàn đã tới với những món ăn khác, và viên chủ quán, rất ân cần, lại trút đầy các đĩa ăn. Lần này là món ngỗng nhồi. François Rabelais lặp lại

hai lần, còn đức ngài chúa thượng Pantagruel tới mười chín lần. Nay chủ quán, vị thực khách oai vệ bảo, nhà người phải chỉ dẫn cho ta cái cách làm mấy con ngỗng này, để ta còn có thể chỉ lại cho tên đầu bếp của ta. Viên chủ quán chúi chúi bộ râu mép thật lớn, ông ta hăng giọng mà nói: trước hết, phải lấy bắp cải muối (choucroute) thứ thật ngon, đun sôi khoảng bốn hay năm phút. Kế đó nấu chả chất béo của ngỗng trút vào bắp cải muối cùng với thịt mỡ, trái đồ-tùng mọng (genièvre), nụ đinh-hương, muối, tiêu, hành xắt nhỏ, và đem ninh tất cả trong ba tiếng đồng hồ. Rồi thêm thịt muối (jambon), gan ngỗng cắt lát mỏng, và lấy ruột bánh mì bó chỗ thịt đã nhừ lại. Lấy cái nhân này mà nhồi ngỗng, sau đó bỏ vô lò chừng bốn chục phút. Nấu nướng được nửa chừng thì phải nhớ húng lấy mỡ đang xèo xèo mà trút lên thịt nhồi, thế là món ăn đã được. Trong lúc họ lắng nghe viên chủ quán mô tả, François Rabelais bỗng lại thấy thèm ăn, cũng như người ngồi cùng bàn với ông, ít ra là cứ theo dáng vẻ bên ngoài, là vì ngài chúa thượng đã đưa chiếc lưới khổng lồ liếm qua liếm lại bộ râu mép thật lâu, trước khi rút cuộc hỏi: và giờ đây, nhà chủ, nhà chủ định thết chúng ta món gì đây? Viên chủ quán vỗ tay và những người hầu bàn tới với những món ăn mới nóng hổi. Gà thiến nấu rượu mạnh trái mơ và gà sao với phô-mai Roquefort, viên chủ quán thật hài lòng nói, và ông ta bắt đầu dọn ăn. François Rabelais, thật hăng hái, khởi sự ăn một con gà thiến và một con gà sao, trong lúc ngài chúa thượng Pantagruel ngốn ngấu một chục con. Ta không biết tại sao, ngài chúa thượng Pantagruel nói, nhưng ta thấy dường như một thứ nước sốt làm bằng óc heo sẽ rất hợp với những chú gà thiến này, ngài bảo sao, thưa vị đồng bàn thân mến của ta? François Rabelais tán thành, và viên chủ quán, như chỉ chờ có thế, vỗ tay. Những người hầu đã đem lại hai đĩa đầy tới sát mí thứ nước sốt óc heo. Đức chúa thượng Pantagruel phết trộn một đĩa sốt lên một ổ bánh dài một mét và, giữa hai miếng gà thiến, ngài ngoạm vào đấy cách nào đó khiến trong hai phút ngài đã xơi xong ổ bánh. Khi họ đã chấm dứt, viên chủ quán xin phép lấy đĩa dơ đi và hỏi: một chút heo rừng săn bắn, các vị bào sao, nếu không phải là các vị ưa những miếng phi-lê thỏ nhồi và chiên? Để cho được rộng rãi, François Rabelais đề nghị đem tới cả hai món. Ngài chúa tể Pantagruel hả miệng để chỉ rằng ngài còn thèm ăn. Ông chủ quán trọ vỗ tay và bọn gia nhân đã tới với những món ăn mới. A, François Rabelais vừa ăn vừa lẩm bẩm được, cái món heo rừng săn bắn này mới thật là ngon tột điểm! Một thứ nước sốt hơi chua-ngọt, cùng với những trái ô-liu xanh và chút ớt cay chỉ rõ mùi con thịt này. Và những miếng phi-lê thỏ nhồi và chiên này, ngài chúa thượng Pantagruel đáp lại giữa hai miếng ăn, lại chẳng nên cho là tuyệt diệu, thần thánh đấy sao?

Viên chủ quán, sung sướng, nhìn họ ăn. Ấy là vào tháng Chín, và mặt trời vẽ những vệt trong trẻo dưới bóng mát của dàn cây xanh. Đôi mắt của ngài chúa thượng Pantagruel nhỏ thật nhỏ, và thỉnh thoảng ngài lại khép đôi mí mắt như thể ngài sắp thiếp đi. Rồi ngài đưa lòng bàn tay vỗ lên bụng một vài cái, lịch sự xin phép, và buông một tiếng ợ kinh khủng, một tiếng ồm tựa như tiếng sấm, vang động khắp đồng quê. Trước tiếng sấm động vang lừng ấy, Rabelais choàng dậy, ông hiểu rằng ấy là một đêm bão tố, mò mẫm thắp cây đèn cầy và chộp được trên cái tủ ngăn một mẩu bánh mì khô mà ông thường nhường bộ với mình đêm đêm để đình chỉ cuộc nhịn ăn.

17. Giấc mộng của Michelangelo Merisi, tức Caravaggio, họa sĩ và người dễ nóng giận

** Michelangelo Merisi tức (người) Caravaggio. Caravaggio, 1573 – Porto Ercole, 1610. Từ làng quê ông, ông đã tới La-mã, nơi ông sống trong cảnh bần cùng buồn thảm mãi cho tới khi ông được Hiệp sĩ d'Arpin tiếp đón. Chính hiệp sĩ này đã đặt ông làm những công trình đầu tiên của ông. Sau khi đối đầu với tranh tĩnh vật, ông bắt đầu vẽ những tấm tranh lớn có kịch tính và về tôn giáo, với lối hòa hợp bóng-sáng không tài nào bắt chước được của ông. Bức Ông kêu gọi của thánh Mát-thêu có lẽ là kiệt-tác-phẩm của ông. Ông là người hay gây gổ và ưa dùng dao. Ông mắc phải tội sát nhân trong một cuộc ẩu đả, bỏ trốn tới Naples, rồi Malte, nơi ông đã bị giam giữ và trốn thoát được. Bị bọn người được thuê đi giết ông theo đuổi, trên mặt bị rạch, ông dừng lại ở Porto Ercole và chết ở đó vì những cơn sốt. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Đêm ngày một tháng Giêng năm 1599, trong lúc ông đang ở trên giường một cô gái điếm, Michelangelo Merisi, tức Caravaggio, họa sĩ và người dễ nóng giận, mộng thấy mình được Chúa đến thăm. Chúa đã đến thăm ông qua sự trung gian của Đức Ki-ri-xi-tô, và đưa ngón tay chỉ vào người ông. Michelangelo lúc đó đang ở trong một quán rượu, ông đang đánh bạc. Đồng bạn với ông là bọn bất lương, có những đứa say rượu. Còn ông, ông không phải là Michelangelo Merisi, mà là một khách hàng nào đó, một tên trộm cướp. Khi Chúa tới thăm ông, ông đang nói lời xúc phạm tới danh thánh đức Ki-ri-xi-tô, và ông cười cợt. Anh, ngón tay đức Ki-ri-xi-tô truyền khiến mà không nói gì. Tôi ư?, Michelangelo Merisi sững sờ hỏi, nhưng tôi tôi không được ơn kêu gọi để trở thành một vị thánh, tôi chỉ là một kẻ có tội, không thể chọn tôi được.

Tuy nhiên khuôn mặt đức Ki-ri-xi-tô vẫn cứng rắn, không có cách nào thoát được. Và bàn tay của ngài đưa thẳng tới không để lập lờ một chút hoài nghi nào hết.

Michelangelo Merisi cúi đầu và nhìn món bạc trên bàn. Tôi đã cưỡng dâm, ông nói, đã giết người, là một kẻ tay vấy máu.

Người bồi quán rượu đã đem tới một đĩa đậu và rượu vang. Michelangelo Merisi bắt đầu ăn và uống. Chung quanh ông, không một ai động đậy, duy có mình ông khoa tay múa mồm như một bóng ma. Cả đức Ki-ri-xi-tô nữa cũng đứng im, giơ bàn tay bất động, ngón tay trở tới. Michelangelo Merisi chỗi dậy và đi theo ngài. Họ tới một con hẻm có vẻ mờ ám, và Michelangelo Merisi bắt đầu tiểu tiện ra trong một xô tất cả chỗ rượu mà ông đã uống tối hôm đó.

Chúa ôi, Người tìm tôi làm gì?, Michelangelo Merisi hỏi đức Ki-ri-xi-tô. Đấng «con của con người» nhìn ông không đáp. Họ đi dạo dọc theo con hẻm và đổ ra một quảng trường. Quảng trường lúc ấy vắng vẻ.

Tôi đang buồn, Michelangelo Merisi nói. Đức Ki-ri-xi-tô nhìn ông và không đáp. Ngài ngồi

xuống một chiếc ghế dài bằng đá và cởi dép ra. Ngài xoa hai bàn chân mà nói: ta mỏi mệt, ta đã đi bộ suốt từ Palestine tới đây để tìm anh.

Michelangelo Merisi lúc ấy đang nôn mửa, tựa người vào một góc tường. Nhưng tôi, tôi là một kẻ có tội, ông kêu lên, Người chẳng nên tìm tôi.

Đức Ki-ri-xi-tô tiến lại gần và chạm tới một bên cánh tay ông. Chính ta, ta đã khiến anh làm họa sĩ, ngài nói, và ta muốn có một bức tranh của anh, sau đó thì anh có thể đi theo con đường định mệnh của anh.

Michelangelo chùi miệng mà hỏi: bức tranh nào?

Chuyến thăm mà ta đã dành cho anh tối nay trong quán rượu, ngoại trừ anh, anh sẽ là Mát-thêu.

Đồng ý, Michelangelo Merisi nói, tôi sẽ làm chuyện đó. Và ông xoay người lại trên giường. Đúng lúc ấy cô gái điếm vừa ôm lấy ông vừa ngáy.

** Xin bạn đọc đừng lẫn Michelangelo Merisi (1573-1610) với Michel-Ange hay Michelangelo BUONARROTI (1475-1564) nhà thơ, họa sĩ, nhà điêu khắc và kiến trúc sư người Ý, sinh tại Caprese, Toscane. Michelangelo Merisi, họa sĩ, sinh sau khi Michel-Ange đã mất, và được coi như một nhà «cách mạng» của thời ông, là vì ở trong tranh và cả tranh với đề tài tôn giáo của ông, ông đã «không lý-tưởng-hóa» các nhân vật, như thói quen của người đương thời. (Ghi chú của dịch giả)

18. Giấc mộng của Giacomo Leopardi, thi sĩ và người «điên» vì trắng

** Giacomo Leopardi. Recanati, 1798 - Naples, 1837. Ông sinh trong một gia đình quý phái, rất ham nghiên cứu các khoa học, triết lý và các ngôn ngữ cổ điển trong thư viện của cha ông, lớn lên thật bất hạnh trong thân xác và đầu óc. Ông lấy làm ghê rợn cái ngục tù tĩnh lặng nơi ông đã được nuôi dạy, ông gớm ghét tính nhỏ nhen và sự đê tiện, ông yêu mến nghệ thuật, khoa học, tư tưởng sáng suốt, cái nhiệt tình công dân. Ông là một nhà ngữ ngôn học đáng kể, một triết gia cay đắng và một nhà thơ rất lớn. Ông ngợi ca tình yêu, thời gian bỏ trốn, nỗi bất hạnh của con người, cõi vô tận và trắng. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm vào những ngày đầu tháng Chạp năm 1827, ở thành phố Pise xinh đẹp, (đường) via della Faggiola, ngủ giữa hai tấm nệm để phòng ngừa cái lạnh đang siết chặt lấy thành phố, Giacomo Leopardi, thi sĩ và người «điên» vì trắng, nằm mộng. Ông mộng thấy mình ở trên một sa mạc và ông là một người chăn chiên. Nhưng, thay vì có một đàn thú theo sau mình, ông lại ngồi thật thoải mái trong một cỗ xe bốn bánh có bốn con chiên trắng toát kéo, và bốn con chiên này là đàn thú của ông.

Sa mạc, và những ngọn đồi viền quanh, làm bằng một thứ cát bạc rất mịn, nó lấp lánh như ánh sáng đom đóm. Lúc ấy là ban đêm nhưng trời không lạnh, trái lại, ấy dường như lại là một đêm đẹp trời ngay sau mùa Xuân, khiến Leopardi cởi chiếc áo choàng không tay mà ông đang khoác trên người ra và vắt lên chỗ dựa cùi tay của cỗ xe.

Các em đưa tôi đi đâu đây, hỡi các chiên con yêu dấu?, ông hỏi.

Chúng em đưa anh đi dạo mát, bốn con chiên đáp, chúng em là lũ chiên nhỏ lang thang.

Nhưng nơi này là nơi nào?, Leopardi hỏi. Chúng ta đang ở đâu?

Anh sẽ khám phá ra trong chốc lát, mấy con chiên đáp, khi anh đã gặp người đang chờ anh.

Người đó là ai thế?, Leopardi hỏi, tôi rất muốn biết.

Ê, ê, lũ chiên đưa mắt nhìn nhau cười, chúng em không thể cho anh biết được, chuyện phải giữ bất ngờ.

Lúc ấy Leopardi thấy đói, có lẽ ông đã thèm ăn một tấm bánh ngọt; một tấm bánh ngon lành có hạt trái thông ăn được, ấy đúng là thứ mà ông đã thèm.

Tôi muốn ăn bánh ngọt, ông bảo, trong sa mạc này lại chẳng có một chỗ nào có thể mua bánh ngọt được sao?

Ngay sau ngọn đồi này, lũ chiên đáp, anh ráng chờ một chút.

Họ đã tới tận cùng sa mạc và đi vòng ngọn đồi, dưới chân đồi có một cửa tiệm. Ấy là một tiệm bánh ngọt xinh đẹp toàn bằng pha-lê, lóng lánh ánh bạc. Leopardi nhìn tủ kính bày hàng, do dự, không biết phải lựa thứ gì. Ở hàng đầu có những tấm bánh tạt đủ mọi màu và đủ mọi cỡ: tạt xanh lục có hạt pistache, tạt đỏ thắm với trái 'frăm-boá', tạt màu vàng với trái chanh, tạt màu hồng với trái dâu. Rồi lại có bánh hạnh nhân, với những hình thù ngộ nghĩnh và ngon lành: nắn theo hình trái pomme và trái cam, nắn theo hình trái anh-đào, hay theo hình thú vật. Sau cùng thì tới món «trứng gà chưng» (sabayons), có nhiều kem và dày đặc, với một trái hạnh-đào ở bên trên. Leopardi gọi người làm bánh và mua ba tấm bánh: một cái bánh có nhân trái dâu, một cái bánh hạnh-nhân và một cái «trứng gà chưng». Người làm bánh, một người nhỏ bé, với mái tóc một màu trắng sáng rực và đôi mắt xanh, đưa cho ông mấy chiếc bánh và tặng thêm một hộp sô-cô-la. Leopardi lại leo lên cổ xe, và trong lúc mấy con chiên lại khởi sự lên đường, ông bắt đầu thưởng thức những món ngon mà ông đã mua. Con đường trước đó đã lên dốc, lúc này leo trên đồi. Và lạ lùng thay, vùng đất đó cũng sáng lên, nó trong mờ và phát ra một làn ánh sáng bạc. Mấy con chiên đã dừng lại trước một căn nhà nhỏ đang lấp lánh trong đêm. Leopardi hiểu rằng mình đã tới, bước xuống đất, ông cầm hộp sô-cô-la và bước vào trong nhà. Ở bên trong, một thiếu nữ ngồi trên một chiếc ghế dựa đang thêu trên chiếc vòng gỗ căng vải.

Bước tới đi, em đang chờ anh, người thiếu nữ nói. Nàng quay lại, mỉm cười với ông, và Leopardi nhận ra nàng. Ấy là Silvia. Có điều là lúc này, nàng toàn bằng bạc. Nàng có cùng những dáng vẻ bên ngoài như xưa, nhưng lúc này nàng toàn bằng bạc.

Silvia, Silvia yêu dấu, Leopardi cầm tay nàng mà nói, được gặp lại em thật là êm dịu biết bao, nhưng tại sao lúc này em lại toàn bằng bạc?

Là vì em là một cô gái có «nguyệt chất», Silvia đáp, khi mình chết mình tới mặt trăng và trở thành như thế.

Nhưng tại sao cả anh nữa, anh cũng có ở đây, Leopardi hỏi, hay là anh cũng chết rồi chăng?

Kẻ đang ở đó không phải là anh, Silvia nói, ấy chỉ là hình ảnh của anh mà thôi, anh anh hãy còn ở trên trái đất.

Và từ đây ta có thể nhìn thấy trái đất không?, Leopardi hỏi.

Silvia dẫn ông lại một khung cửa sổ, nơi có một ống kính nhìn xa. Leopardi ghé mắt vào thấu kính và lập tức thấy một dinh thự. Ông nhận ra nó: ấy là dinh thự của ông. Một khung cửa sổ lúc ấy hãy còn đèn sáng, Leopardi nhìn vào bên trong và thấy cha ông, mặc áo ngủ, cái bình tiểu cầm tay, đi lại giường. Ông thấy nhói trong tim và xoay cái ống kính theo hướng khác. Ông thấy một cái tháp nghiêng mình trên một đồng cỏ lớn và, kế bên, một con đường quanh co với một tòa nhà nơi có một ánh sáng yếu ớt. Ông cố nhìn vào phía bên trong khung cửa sổ và thấy một căn buồng vừa phải, với một cái tủ ngăn và một cái bàn trên bàn có đặt một tập vở, cạnh nó là một mẫu nền đang lụn dần. Trên giường ông thấy chính ông, đang nằm ngủ giữa hai tấm nệm.

Anh chết rồi chăng?, ông hỏi Silvia.

Chưa, Silvia đáp, anh chỉ đang ngủ, và mộng tới trăng.

19. Giấc mộng của Carlo Collodi, nhà văn và người kiểm duyệt sân khấu

** Carlo Collodi, tên thực là Carlo Lorenzini. Sinh tại Collodi, ở Toscane, năm 1826, và mất tại Florence năm 1890. Ông là một người nồng nhiệt bênh vực những tư tưởng của Mazzini, tham dự các chiến dịch của phong trào Risorgimento (tiếng Ý, có nghĩa là 'Phục hưng', phong trào ý thức hệ và chính trị đưa tới sự thống nhất nước Ý. ND.), yêu mến tự do và độc lập, và trái ngược lại đã phải làm việc như người kiểm duyệt sân khấu bên cạnh chính quyền Toscane từ năm 1859. Ấy là một người 'cộc cằn', cô độc, ưa ăn và uống (rượu vang) quá mức. Ông bị các chứng phong thấp, cuồng si và mất ngủ hành hạ. Ông đã đem lại cuộc sống bất diệt cho một «thằng người gỗ». (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Đêm hăm lăm tháng Chạp năm 1882, trong ngôi nhà của ông ở Florence, Carlo Collodi, nhà văn và người kiểm duyệt sân khấu, nằm mộng. Ông mộng thấy mình ở trên một con thuyền nhỏ bằng giấy ở giữa biển và lúc ấy có một cơn bão. Nhưng con thuyền nhỏ bằng giấy chống chỏi lại, ấy là một con thuyền nhỏ buồm bình, có hai con mắt người ta, và có màu cờ nước Ý mà Collodi hết sức yêu mến. Một tiếng nói xa xăm, từ chỗ bờ biển gie ra vắng tót: Carlino, Carlino, trở lại bờ ngay! Đó là tiếng nói của người vợ mà ông chưa bao giờ có, một tiếng nói phụ nữ thật êm dịu gọi ông từ nước mắt của một ngư nữ.

A, có lẽ ông đã muốn trở lại hết sức! Nhưng ông không thể, những làn sóng quá mạnh và con thuyền nhỏ trôi trôi tùy ý biển.

Rồi, đột nhiên, ông thấy con quái vật. Ấy là một con cá mập khổng lồ hàm há hốc đang rình ông, đang xem xét ông, đang chờ ông.

Collodi tìm cách vận dụng tay lái, nhưng cả tay lái nữa cũng bằng giấy và đã ướt sũng, từ nay không còn có thể sử dụng được nữa. Chính bởi thế mà ông đành lao thẳng vào hàm quái vật và, sợ hãi, ông đưa hai tay bịt mắt lại, đứng thẳng dậy mà hô: Viva l'Italia! (Ý-đại-lợi muôn năm!)

Trong bụng quái vật mới tối làm sao! Collodi bắt đầu mò mẫm bước, ông vấp té trên một vật gì đó mà ông không biết tính chất và, khi sờ tới, ông hiểu rằng ấy là một cổ sọ người. Rồi ông đụng phải mấy cái bàn, và ông hiểu rằng một con thuyền khác đã chìm đắm trước ông trong hàm con quái vật. Bây giờ ông xê dịch thông thả hơn, nhờ ánh sáng mờ mờ đến từ cửa miệng há hốc của con cá mập. Lần mò bước từng bước ông đụng đầu gối vào một cái thùng gỗ. Ông gập người lại để đưa tay chạm tới cái thùng, và ông nhận ra cái thùng đầy những cây đèn cầy. May thay, ông hãy còn cây quẹt lửa, ông lập tức quẹt những tia lửa. Ông thắp hai cây đèn cầy và, cầm chúng trong tay, ông bắt đầu nhìn quanh mình. Thì ra ông đang đứng trên boong một con tàu đã chìm trong bụng con quái vật từ trước, tầng sau lái tàu đầy những bộ xương người và một ngọn cờ đen với sọ người và hai ống xương bắt treo phấp phới trên cột buồm lớn. Collodi tiếp tục cuộc thám hiểm và bước xuống một cầu thang nhỏ. Ông tìm thấy ngay kho

thực phẩm, chất đầy rượu rhum. Hết sức hài lòng ông khui một chai và rốc vào miệng. Lúc này, ông cảm thấy khá hơn. Vững dạ đủ, ông chỗi dậy và, nương theo ánh đèn cầy, ông ra khỏi con tàu. Bụng con quái vật trơn trượt, đầy những con cá chết nho nhỏ và cua. Collodi lội trong vùng nước thấp bước tới. Ông thấy một ánh đèn nho nhỏ ở xa xa, một làn ánh sáng rụt rè như thể một lời mời đối với ông. Ông tiến về phía ấy. Những bộ xương, những con tàu chìm, những con thuyền lung đáy và những con cá chết thật lớn lướt qua bên ông. Làn ánh sáng nọ đã gần hơn, và Collodi nhận thấy một cái bàn. Có hai người đang ngồi quanh bàn, một người đàn bà và một đứa trẻ. Rụt rè tiến lại, Collodi thấy rằng người đàn bà có mái tóc màu ngọc lam và đứa trẻ có một cái mũ bằng ruột bánh mì. Ông chạy tới phía họ và ôm hôn họ. Và cả họ nữa, họ cũng ôm hôn ông, và mấy người cười, và mấy người vuốt má nhau, và mấy người nựng nhau cả ngàn lần. Và họ không hề nói gì hết.

Đột nhiên, đổi cảnh. Lúc này, họ không còn ở trong bụng quái vật nữa, mà ở dưới một giàn cây xanh. Chung quanh họ, lúc ấy là mùa hè. Họ đang ngồi quanh bàn, ấy là một ngôi nhà trong vùng đồi núi Pescia, ve sầu kêu inh ỏi, mọi sự đều sống lại trong hơi nóng giữa trưa, họ uống rượu vang trắng và ăn dưa bở. Ngồi cách xa đôi chút, dưới giàn cây xanh, một chú mèo và một con chồn nhìn họ với đôi con mắt thật dịu êm. Và Collodi, bằng một giọng lễ độ, nói với chúng: xin mời các vị dùng cho!

20. Giấc mộng của Robert Louis Stevenson, nhà văn và người lữ hành

**Robert Louis Stevenson. Ông sinh tại Édimbourg năm 1850. Sức khỏe bất an, tuổi thanh xuân của ông được ghi dấu bằng những căn bệnh lâu dài và những thời kỳ dưỡng bệnh không dứt. Ông bị đau phổi và chết vì bệnh lao phổi. Ông đã du hành ở Âu châu, ở Hoa-kỳ và trong vùng Thái-bình-dương. Châu đảo là cuốn sách nổi tiếng nhất của ông. Để chết, ông lựa một hòn đảo xa xôi, đảo Opolu, trong vùng quần đảo Samoa. Ông được chôn cất trên đỉnh núi. Bấy giờ mới được bốn mươi bốn tuổi. (Chú thích của Antonio Tabucchi trong «Những người nằm mộng trong sách này»)*

Một đêm tháng Sáu năm 1885, vào tuổi mười lăm, trong lúc đang ở trong một căn buồng của bệnh viện Édimbourg, Robert Louis Stevenson, nhà văn và người lữ hành tương lai, nằm mộng. Ông mộng thấy mình đã trở thành một người đứng tuổi và ông đang ở trên một con tàu buồm. Con tàu lúc ấy có những cánh buồm căng gió và đang đi trên không. Còn ông, ông đang cầm lái và lái tàu như người ta lái một trái khí cầu. Con tàu buồm lướt trên Édimbourg, rồi băng qua những ngọn núi ở Pháp, xa dần Âu châu và bắt đầu bay trên một đại dương màu thiên thanh. Ông biết rằng ông đã đáp chuyển tàu này là vì hai buồng phổi của ông không sao hít thở được, và ông đang cần không khí. Vào lúc này ông hít thở thật đều đặn, những làn gió trút đầy hai buồng phổi ông khí trời tinh khiết và cơn ho của ông cũng đã dịu êm.

Con tàu buồm đậu trên mặt nước và bắt đầu lướt mau. Robert Louis Stevenson đã trương hết buồm lên và để mặc gió chỉ đường cho mình. Vào một lúc nọ ông nhận ra một hải đảo ở chân trời, và khá nhiều chiếc xuồng dài, do những người sạm nắng chèo lái, tới đón ông. Robert Louis Stevenson thấy rằng đám xuồng ấy sắp hàng hai bên ông và chúng chỉ đường cho ông theo; trong lúc làm như thế, thổ dân hát những bài hát nhẹ nhàng vui tươi và phóng những vòng hoa trắng lên boong tàu.

Khi ông tới cách đảo chừng một trăm mét, Robert Louis Stevenson buông neo và, dùng một cái thang dây nhỏ, ông trèo xuống mãi tận chiếc xuồng chính đang chờ ông dưới thành tàu. Ấy là một chiếc xuồng rất oai nghiêm, với một hình tổ vật thật lớn ở trước mũi. Thổ dân ôm hôn ông, rồi quạt cho ông bằng những tàu lá cọ thật lớn, trong lúc họ hiến ông những trái cây rất ngọt.

Đón chờ ông trên đảo là đám phụ nữ và trẻ em, đang tươi cười nhảy múa, và họ đã choàng quanh cổ ông những tràng hoa. Ông đầu làng tiến lại gần ông và chỉ cho ông đỉnh núi. Robert Louis Stevenson hiểu rằng ông phải lên tới đó, nhưng ông không biết tại sao. Ông nghĩ rằng, với sự hô hấp kém cỏi ông sẽ chẳng bao giờ lên tới được đỉnh núi, và ông đã tìm cách giải thích điều ấy cho các thổ dân bằng những điệu bộ phồng chùng. Nhưng họ đã hiểu từ trước và đã chuẩn bị cho ông một cái ghế khiêng, bện bằng cỏ và lá cọ. Robert Louis Stevenson ngồi vào đấy, bốn thổ dân lực lưỡng đẩy cái ghế khiêng lên vai và bắt đầu leo núi. Khi lên, Robert Louis

Stevenson khám phá ra một toàn cảnh không thể giải thích: ông thấy xứ Tô-cách-lan và nước Pháp, châu Mỹ và Nữu-ước, và trọn cuộc đời đã qua của ông, lúc ấy hãy còn đang tới. Dọc theo những sườn núi, cây cối tốt lành và những thức hoa ăn thịt sâu bọ thắm đầy không khí một mùi hương giải thoát cho hai buồng phổi ông được quang đãng.

Các thổ dân đã dừng lại trước một cái động và ngồi khoanh chân dưới đất. Robert Louis Stevenson hiểu rằng ông phải bước vào trong động, họ đưa cho ông một bó đuốc, và ông bước vào. Trong động thời lạnh, không khí có một mùi xạ hương. Robert Louis Stevenson tiến lên trong bụng núi mãi tới một gian phòng tự nhiên mà những cuộc động đất ở xa xa đã khoét ở bên trong đá núi và trong gian phòng đó có những tảng thạch nhũ khổng lồ rủ xuống. Ở chính giữa gian phòng có một cái rương bằng bạc. Robert Louis Stevenson mở ra và thấy có một cuốn sách ở bên trong. Đó là một cuốn sách nói về một hải đảo, về những chuyến du hành, về những cuộc phiêu lưu, về một đứa trẻ và bọn hải tặc; và chính tên ông được ghi trên cuốn sách. Ông liền ra khỏi động, truyền cho các thổ dân trở về làng, và cắp cuốn sách ông trèo lên mãi tới đỉnh núi. Rồi ông nằm dài trên cỏ và ông mở cuốn sách ở trang đầu tiên. Ông biết rằng ông sẽ ở lại đó, trên đỉnh núi này, để đọc cuốn sách này. Là vì không khí thật tinh khiết, và câu chuyện cũng như không khí, nó mở hồn ta ra; và thật là tuyệt đẹp khi chờ đợi chung cuộc, ở đấy, trong lúc đọc sách.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>